

ĐỒ ÁN:

**Viết chương trình Quản Lý
Kế Toán Doanh Nghiệp**

LỜI MỞ ĐẦU

Hiện nay các doanh nghiệp tại Việt Nam, nhất là các doanh nghiệp có quy mô trung bình và lớn hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, thương mại, sản xuất thì vai trò của thông tin và quản lý thông tin bằng tin học lại càng có ý nghĩa đặc biệt, nó giúp các đơn vị đột biến về chất lượng quản lý điều hành và qua đó góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu cạnh tranh và phát triển làm cho thị trường phần mềm quản trị dữ liệu đã chuyển mình và sẽ trở thành thị trường quan trọng do hai điều kiện :

Một : Số lượng máy tính trang bị trong các công ty đã nhiều và bắt đầu tiến trình nối mạng.

Hai : Môi trường kinh doanh ngày càng mang tính thị trường rõ rệt với sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các doanh nghiệp trong nước cũng như với các doanh nghiệp nước ngoài.

Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp phải trang bị hệ thống quản lý thông tin tiên tiến để phân tích tình hình kinh doanh và ra quyết định một cách nhanh nhất. Do đó, các phần mềm ứng dụng trong quản lý đã đóng vai trò quan trọng, đặc biệt là phần mềm quản trị dữ liệu về nghiệp vụ kế toán cho các doanh nghiệp.

Hiện nay, trên thị trường có rất nhiều phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu để thực hiện cho việc quản lý kế toán trong các doanh nghiệp nhưng để xác định hệ quản trị nào là tối ưu, gần gũi với người sử dụng. Đặc biệt, đối với nước ta hiện nay thì việc nắm vững, thao tác và sử dụng vẫn còn nhiều khó khăn nên việc tạo ra một phần mềm như trên là rất quan trọng và cần thiết. Bởi vì, giao diện của chương trình đều sử dụng Font chữ tiếng việt nên người sử dụng có thể thao tác, sử dụng dễ dàng khi người sử dụng không thành thạo về tiếng anh...

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Từ nhận định đó, tôi đã chọn đề tài : “Viết chương trình *Quản Lý Kế Toán Doanh Nghiệp*” trên cơ sở nghiên cứu và phát triển, tôi cố gắng hoàn thành đề tài với sự giúp đỡ tận tình của Thầy **Đỗ Văn Uy** đã đóng góp những ý kiến vô cùng quan trọng cho việc nghiên cứu cũng như trong cách thức lập trình.

Tôi xin chân thành cảm ơn !

- ♦ Quý thầy cô trường **Đại Học Thủy Sản** và trường **Bách Khoa Hà Nội** đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ.
- ♦ Bạn Trần Thị Thanh Trâm lớp 41DN-2 đã tận tình góp ý về nghiệp vụ và cung cấp tài liệu về kế toán.
- ♦ Cùng toàn thể lớp TIN HỌC 40 đã đóng góp những ý kiến quan trọng trong thao tác lập trình.

Tôi mong đề tài sẽ được đón nhận và đóng góp để đề tài có thể phát triển hoàn thiện hơn.

PHẦN I

TIN HỌC HÓA QUẢN LÝ THÔNG TIN

TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1. Kế toán

Kế toán là công việc ghi chép, tính toán bằng con số dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động. Chủ yếu là dưới hình thức giá trị để phản ánh, kiểm tra tình hình vận động của các loại tài sản, quá trình và kết quả sản xuất kinh doanh, sử dụng vốn và kinh phí nhà nước, cũng như từng tổ chức, xí nghiệp.

2. Vai trò của kế toán

Đối với doanh nghiệp : Kế toán giúp theo dõi thường xuyên tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như sản xuất sản phẩm, tiêu thụ sản phẩm, tình hình cung ứng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, giúp cho việc theo dõi thị trường để sản xuất, tích trữ hàng hóa nhằm cung cấp kịp thời cho thị trường những sản phẩm đáp ứng nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng. Ngoài ra, kế toán còn cung cấp tài liệu cho doanh nghiệp để làm cơ sở hoạch định chương trình hành động cho từng giai đoạn, thời kỳ.

Nhờ kế toán mà người quản lý điều hành trôi chảy các hoạt động của đơn vị, giúp cho việc quản lý lành mạnh, tránh hiện tượng tham ô, lãng phí tài sản, thực hiện việc kiểm soát nội bộ có hiệu quả.

Nhờ kế toán mà người quản lý tính được công việc mình đã điều hành trong từng giai đoạn và qua đó vạch ra phương hướng hoạt động cho tương lai. Điều hoà được tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Kế toán là cơ sở để giải quyết mọi tranh chấp, khiếu tố, là cơ sở pháp lý chứng minh về hành vi thương mại.

3. Vai trò của tin học trong quản lý

Thông tin từ lâu đã được đánh giá có vai trò quan trọng trong quản lý kinh tế, ngày nay việc nhận định “ Ai nắm được thông tin, người đó sẽ chiến thắng ” lại càng trở nên đúng đắn. Chính từ việc tin học hóa thông tin với sự trợ giúp của Computer và Phần mềm đã đưa đến những khái niệm mới như *Kỹ nguyên của kỹ thuật số, Nền kinh tế trí thức...*

Việc tin học hóa vào quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ giúp cho các doanh nghiệp có khả năng cạnh tranh trong một nền kinh tế thị trường, đồng thời cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài được đánh giá qua các đặc điểm sau:

a. Tính nhanh chóng

Bất kỳ lúc nào cũng có thể trả lời các thông tin một cách nhanh chóng, chính xác.

b. Tính thích ứng

Giúp người quản lý điều hành trôi chảy các hoạt động của đơn vị và có thể tính được công việc của mình đã điều hành trong từng giai đoạn và qua đó vạch

ra phương hướng hoạt động cho tương lai. Điều hành được tình hình tài chính của doanh nghiệp.

c. Tính an toàn

Bảo đảm sự an toàn dữ liệu của doanh nghiệp.

4. Nhiệm vụ của đề tài

Thay thế việc ghi chép vào sổ sách bằng cách nhập, xuất và lưu trữ lượng thông tin không lồ một cách nhanh chóng, chính xác và an toàn về dữ liệu. Đáp ứng kịp thời thông tin khi người kế toán cần đến. Tránh sai sót và giảm thiểu về thời gian công việc nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh trong từng giai đoạn, chu kỳ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Cung cấp giao diện gần gũi với người sử dụng, người sử dụng có thể tham khảo danh mục tài khoản doanh nghiệp bất kỳ lúc nào cần đến, cho biết các mặt hàng nào được nhập – xuất trong một khoảng thời gian nhất định....

Tuy nhiên, chương trình chỉ đáp ứng một phần nào công việc. Còn đi chuyên sâu về một phần mềm mang tính kế toán thực thụ thì đòi hỏi chương trình phải được cải tiến, bổ sung để chương trình có thể sử dụng và doanh nghiệp có thể chấp nhận như một phần mềm chính thức cho hầu hết công việc kế toán. Ở đây đề tài chỉ mang tính tham khảo và phát triển.

PHẦN II

PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG CHO CHƯƠNG TRÌNH

QUẢN LÝ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

1. Các bước thực hiện cơ bản của kế toán doanh nghiệp

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Lập chứng từ gốc để ghi nhận nghiệp vụ kinh tế phát sinh về vốn tài sản

Phân tích nghiệp vụ kế toán trên cơ sở chứng từ gốc để :

- Định khoản cho các nghiệp vụ kế toán
- Cập nhật chứng từ vào máy tính như : chứng từ nhập xuất hàng hóa, chứng từ thu chi, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu...
- In ra các báo cáo : Báo cáo nhập xuất trong kỳ, tổng hợp thu chi trong kỳ, báo cáo hàng tồn kho, thẻ kho...

Ghi chép những nghiệp vụ được phân tích vào nhật ký chung theo một trình tự thời gian :
Lập chứng từ ghi sổ hay sổ nhật ký chung.

Chuyển số liệu từ nhật ký vào sổ cái các tài khoản liên quan để in ra bất kỳ lúc nào khi cần đến

Điều chỉnh số liệu để phản ánh đúng chi phí cũng như doanh thu đạt được trong kỳ : Lập bảng cân đối số phát sinh

Kết chuyển số liệu trên các tài khoản tạm thời để :

- Tính giá thành sản phẩm
- Tính kết quả hoạt động kinh doanh...

Kiểm tra đối chiếu số liệu trên sổ sách kế toán để lập, trên những tài khoản tổng hợp

Tổng hợp số liệu từ tài khoản về từ các tài liệu cơ bản liên quan để lập báo cáo tài chính như :

- Lập bảng cân đối kế toán.
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Bảng lưu chuyển tiền tệ.
- Thuyết minh báo cáo tài chính.
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế với nhà nước

2. Mô tả yêu cầu quản lý của chương trình

a. Quản lý tiền mặt

Chương trình có thể :

- ◆ Quản lý các khoản thu – chi của doanh nghiệp.
- ◆ Xác định được tồn quỹ tiền mặt của doanh nghiệp.
- ◆ In ra các phiếu thu – chi để xác định giao cho khách hàng hay để lưu trữ.
- ◆ Lập báo cáo thu – chi chi tiết và tổng hợp trong tháng.
- ◆ Cung cấp dữ liệu cho các phân hệ kế toán khác như :

Phân hệ kế toán tổng hợp.

Phân hệ kế toán chi phí...

b. Quản lý hàng hóa

Chương trình có thể :

- ◆ Quản lý các phiếu nhập xuất kho của doanh nghiệp, biết được mua hàng từ các nhà cung cấp nào và xuất bán cho khách hàng nào.
- ◆ Lập báo cáo chi tiết nhập xuất hàng hóa.

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

- ◆ Lập báo cáo tổng hợp nhập xuất hàng hóa theo từng ngày, từng tháng, từng kho, từng mặt hàng, từng khách hàng và từng nhà cung cấp.
- ◆ In ra thẻ kho cho biết việc nhập xuất và tồn của một mặt hàng ứng với một kho trong khoảng thời gian xác định trong tháng.
- ◆ In báo cáo tồn kho :

Tồn kho tổng hợp : cho biết việc nhập xuất và tồn của tất cả hàng hóa trong tất cả các kho hiện có đến ngày cần biết.

Tồn theo kho : cho biết việc nhập xuất và tồn của tất cả hàng hóa trong một kho cho đến ngày cần biết.

- ◆ Lập báo cáo giá vốn của các mặt hàng xuất bán trong tháng
- ◆ Báo cáo giá hàng nhập : cho biết đơn giá cụ thể của từng mặt hàng. Nếu một mặt hàng có nhiều đơn giá nhập khác nhau thì phải liệt kê tất cả đơn giá nhập đó và số lượng nhập tương ứng.
- ◆ In ra báo cáo thống kê :

Theo từng mặt hàng.

Theo từng nhóm hàng.

Theo từng kho hàng.

- ◆ Nguồn nhập xuất : cho biết nguồn nhập xuất trong tháng
- ◆ Cung cấp dữ liệu cho các phân hệ kế toán khác như : tổng hợp, chi phí, tiền mặt...
- ◆ Tra cứu :

Phiếu nhập kho

Phiếu xuất kho

c. Quản lý công nợ

Chương trình có thể

- ◆ Quản lý hình thức thanh toán công nợ giữa khách hàng với doanh nghiệp và giữa doanh nghiệp với nhà cung cấp.
- ◆ Đối với nhà cung cấp :

Khi mua hàng (Phiếu nhập kho) thì sẽ làm công nợ nhà cung cấp tăng lên.

Khi doanh nghiệp trả tiền mặt cho nhà cung cấp (Phiếu chi tiền mặt) thì làm công nợ nhà cung cấp giảm.

- ◆ Đối với khách hàng :

Khi xuất hàng cho khách hàng (Hóa đơn bán hàng) thì sẽ làm công nợ khách hàng tăng lên.

Khi doanh nghiệp thu tiền mặt của khách hàng trả nợ (Phiếu thu tiền mặt) thì làm công nợ khách hàng giảm.

- ♦ Lập báo cáo tổng hợp công nợ khách hàng và nhà cung cấp.
- ♦ Lập báo cáo công nợ chi tiết cho từng khách hàng và nhà cung cấp.
- ♦ Cung cấp dữ liệu cho các phân hệ kế toán khác như : tổng hợp, tiền mặt, hàng hóa,...

3. Quá trình phân tích chương trình

- ♦ Khảo sát yêu cầu của chương trình, làm rõ các thông tin đầu vào, các thông tin đầu ra và các báo cáo phục vụ cho việc quản lý.
- ♦ Dựa trên yêu cầu của chương trình, xây dựng sơ đồ chức năng, lấy sơ đồ chức năng làm cơ sở để xây dựng hệ thống menu cho chương trình.
- ♦ Dựa trên sơ đồ chức năng, xây dựng sơ đồ dòng dữ liệu thể hiện các thông tin đưa vào hệ thống và sau khi được các chức năng xử lý sẽ được lưu trữ hoặc tạo thành các báo cáo.
- ♦ Qua phân tích sơ đồ dòng dữ liệu và các thông tin khảo sát ban đầu, xây dựng các thực thể (lưu trữ những thông tin cơ bản) và mối quan hệ giữa chúng. Đó chính là bước xây dựng sơ đồ quan hệ thực thể, làm cơ sở xây dựng các Table và Relationship.

4. Dữ liệu đầu vào và đầu ra của chương trình

a. Thông tin nhập

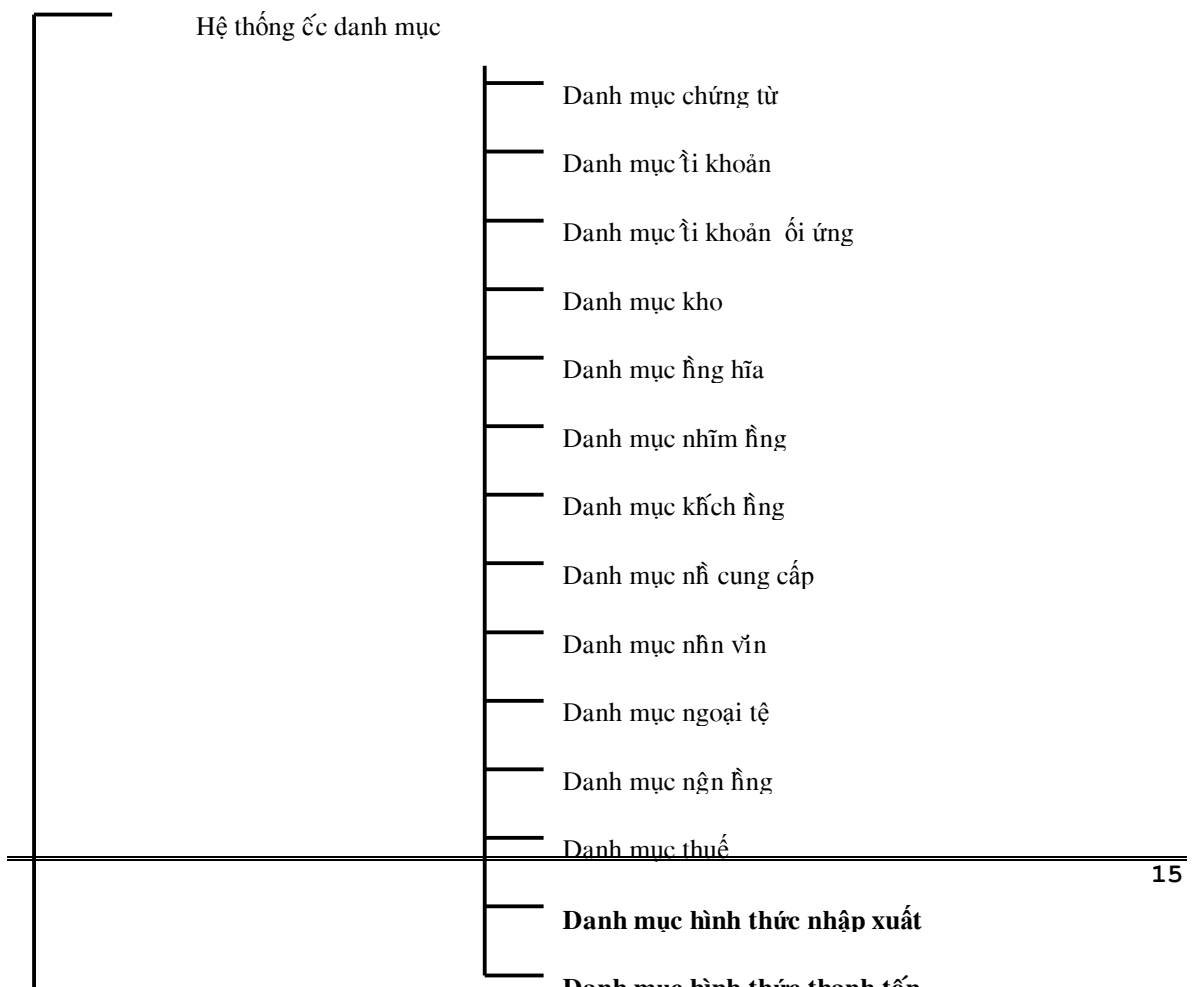
- ◆ Danh mục chứng từ
- ◆ Danh mục tài khoản
- ◆ Danh mục tài khoản đối ứng
- ◆ Danh mục hàng hóa
- ◆ Danh mục nhóm hàng
- ◆ Danh mục kho hàng
- ◆ Danh mục khách hàng
- ◆ Danh mục nhà cung cấp
- ◆ Danh mục nhân viên
- ◆ Danh mục ngoại tệ
- ◆ Danh mục ngân hàng
- ◆ Danh mục thuế

- ◆ Danh mục hình thức nhập xuất
- ◆ Danh mục hình thức thanh toán
- ◆ Các loại phiếu : Phiếu nhập và phiếu xuất

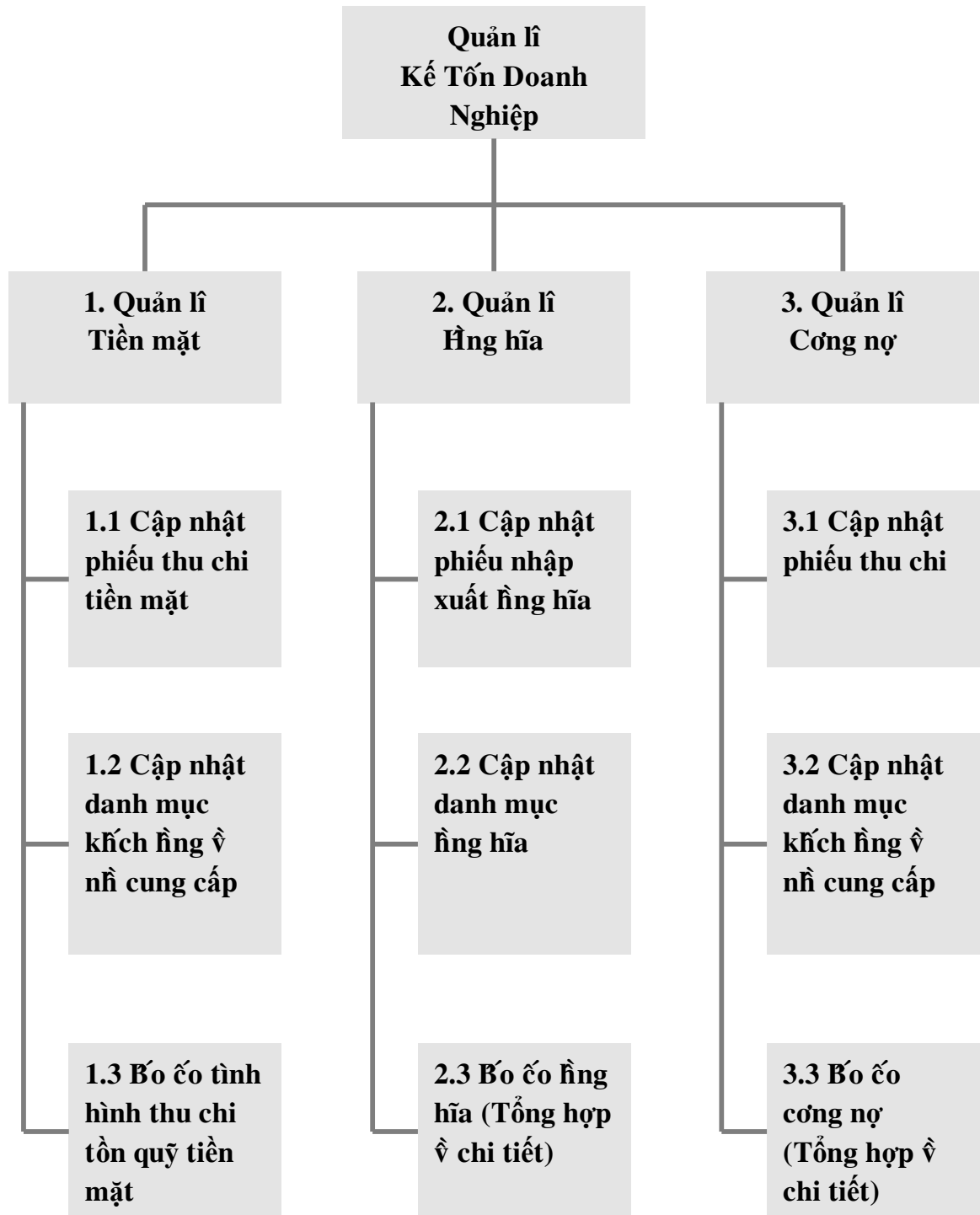
b. Thông tin xuất

- ◆ Báo cáo tình hình thu, chi tồn quỹ tiền mặt
- ◆ Báo cáo tình hình việc nhập xuất và tồn kho hàng hóa
- ◆ Báo cáo công nợ khách hàng và nhà cung cấp

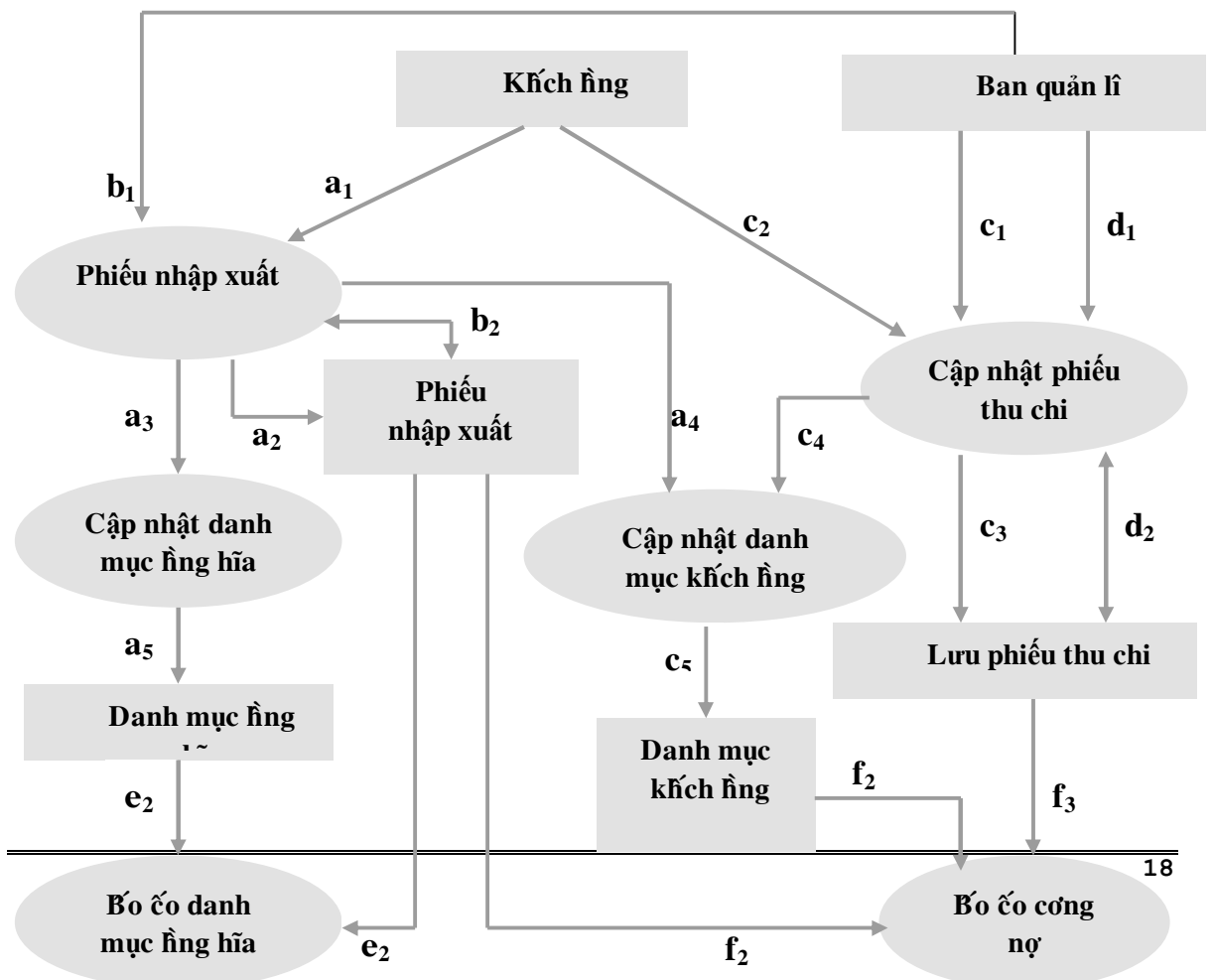
5. Cấu trúc chương trình



6. Sơ đồ chức năng



7. Sơ đồ luồng dữ liệu



Cập nhật phiếu nhập xuất hàng hóa

a₁ Khách hàng mua hàng hoặc nhà cung cấp giao hàng

a₂ Lưu phiếu nhập xuất

a₃ Yêu cầu cập nhật danh mục hàng hóa (Nếu là hàng hóa mới)

a₄ Cập nhật danh mục khách hàng (Nếu là khách hàng mới)

a₅ Lưu thông tin hàng hóa mới

Điều chỉnh phiếu nhập xuất

b₁ Ban quản lý yêu cầu điều chỉnh phiếu nhập xuất (Do nhập và xuất sai sót)

b₂ Lấy phiếu nhập xuất cần điều chỉnh từ kho lưu ra điều chỉnh theo yêu cầu và lưu lại

Báo cáo tồn kho

e₁ Ban quản lý yêu cầu báo cáo tồn kho

e₂ Lấy số tồn từ danh mục hàng hóa và tình hình nhập xuất từ kho dữ liệu phiếu nhập xuất để xác định số tồn kho cuối kỳ

e₃ Gửi ban quản lý báo cáo tồn kho

Cập nhật phiếu thu chi

c₁ Ban quản lý chi trả nợ cho nhà cung cấp (Yêu cầu lập phiếu chi)

c₂ Khách hàng trả nợ (Yêu cầu lập phiếu thu)

c₃ Lưu phiếu thu chi đã lập

c₄ Yêu cầu cập nhật danh mục khách hàng (Nếu là khách hàng mới)

c₅ Lưu thông tin khách hàng mới

Điều chỉnh phiếu thu chi

d₁ Ban quản lý yêu cầu điều chỉnh phiếu thu chi (Do nhập sai sót)

d₂ Lấy phiếu thu chi cần điều chỉnh từ kho lưu ra điều chỉnh theo yêu cầu và lưu lại

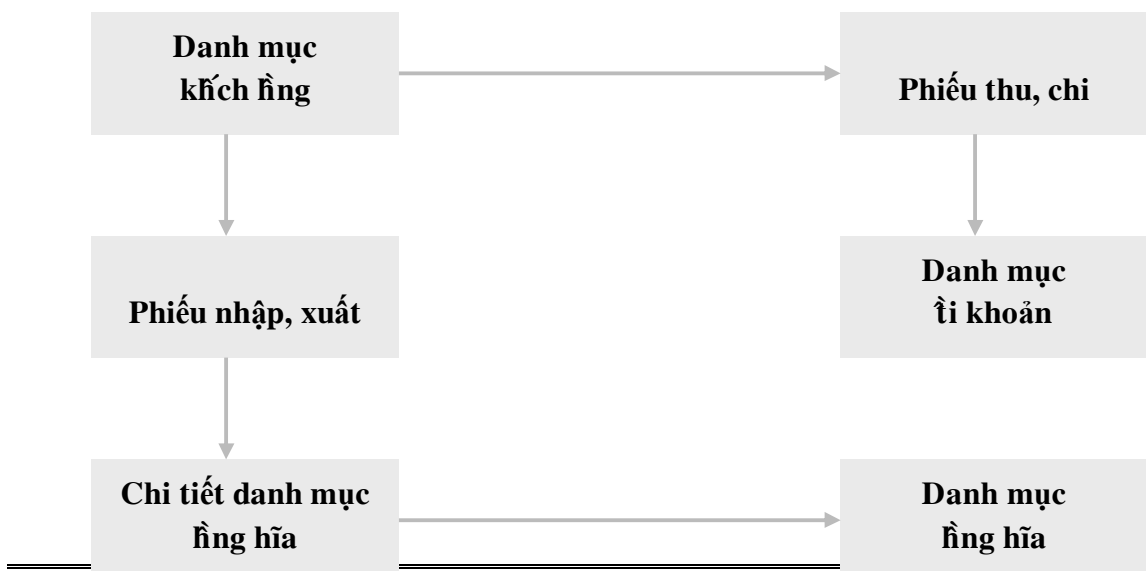
Báo cáo công nợ

f₁ Ban quản lý yêu cầu báo cáo công nợ

f₂ Lấy số nợ đầu kỳ từ danh mục khách hàng và tình hình nhập xuất từ kho dữ liệu phiếu nhập xuất, tình hình thu chi từ kho dữ liệu phiếu thu chi để xác định tăng giảm nợ trong kỳ và nợ cuối kỳ.

f₃ Gửi ban quản lý báo cáo công nợ.

8. Sơ đồ quan hệ giữa các thực thể



Kí hiệu quan hệ 1 -> n : \longrightarrow

PHẦN III

CƠ SỞ DỮ LIỆU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Cơ sở dữ liệu

Cơ sở dữ liệu là một kho chứa thông tin, có nhiều loại cơ sở dữ liệu, trong đó phổ biến nhất hiện nay là CSDL quan hệ.

Một CSDL quan hệ

- ♦ Chứa dữ liệu trong các bảng, được cấu tạo bởi các dòng (mẫu tin), cột (trường).
- ♦ Cho phép lấy về (hay truy vấn) các tập hợp dữ liệu con từ bảng.
- ♦ Cho phép nối các bảng với nhau cho mục đích truy cập các mẫu tin liên quan với nhau chứa trong các bảng khác nhau.

Bộ máy (Engine) cơ sở dữ liệu

Chức năng cơ bản của một CSDL được cung cấp bởi một bộ máy CSDL, là hệ thống chương trình quản lý cách thức chứa và trả về dữ liệu.

Bảng và trường

Các CSDL được cấu tạo từ các bảng dùng thể hiện các phân nhóm dữ liệu. Bảng chứa các mẫu tin là các mẫu dữ liệu riêng rẽ bên trong phân nhóm dữ liệu. Mẫu tin chứa các trường, mỗi trường thể hiện một bộ phận dữ liệu trong một mẫu tin.

RecordSet

Khi tạo bảng cần nắm được cách thao tác với các bảng. Thao tác với các bảng liên quan đến việc nhập và lấy về dữ liệu từ các bảng khác cũng như việc kiểm tra và sửa đổi cấu trúc bảng. Thao tác dữ liệu trong một bảng ta dùng Recordset.

RecordSet là một cấu trúc dữ liệu thể hiện một tập hợp con các mẫu tin lấy về từ CSDL.

Mối quan hệ

Khóa chính : một trường được chỉ ra là khóa chính của bảng phục vụ cho việc xác định duy nhất mẫu tin.

Khóa ngoại : là khóa trong bảng liên quan chứa bản sao của khóa chính của bản chính.

Mối quan hệ : là một cách định nghĩa chính thức hai bảng liên hệ với nhau như thế nào. Khi định nghĩa một mối quan hệ, tức đã thông báo với bộ máy CSDL rằng hai trường trong hai bảng liên quan được nối với nhau.

Hai trường liên quan với nhau trong một mối quan hệ là khóa chính và khóa ngoại.

Ngoài việc ghép các mẫu tin liên quan trong những bảng riêng biệt, mối quan hệ còn tận dụng thế mạnh của tính toàn vẹn tham chiếu, một thuộc tính của bộ máy CSDL duy trì các dữ liệu trong một CSDL nhiều bảng luôn luôn nhất quán. Khi tính toàn vẹn tham chiếu tồn tại trong một CSDL, bộ máy CSDL sẽ ngăn cản khi xóa một mẫu tin khi có các mẫu tin khác tham chiếu đến nó trong CSDL.

2.. Sử dụng Microsoft Access để tạo cơ sở dữ liệu cho chương trình

Microsoft Access có giao diện tinh xảo và dễ dùng để tạo các đối tượng CSDL.

a. Bộ dữ liệu gốc của chương trình

1. Tbl_DMCT : Danh mục chứng từ

Field name	Data type	Size	Description
MA_CT (K)	Text	10	Mã chứng từ

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

TEN_CT	Text	50	Diễn giải
--------	------	----	-----------

2. Tbl_DMTK : Danh mục tài khoản

Field name	Data type	Size	Description
MA_TK(K)	Text	14	Mã tài khoản
DIENGLAI	Text	50	Diễn giải
MA_QL	Text	5	Mã quản lý
NO_DK	Number	Double	Nợ đầu kỳ
NO_CK	Number	Double	Nợ cuối kỳ

3. Tbl_DMTKDU : Danh mục tài khoản đối ứng

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Field name	Data type	Size	Description
MA_CT	Text	10	Mã chứng từ
NO_CO	Text	1	Ghi nợ hay ghi có
MA_TKDU	Text	10	Tài khoản đối ứng

4. Tbl_DMKH : Danh mục khách hàng

Field name	Data type	Size	Description
LOAI_KH	Text	1	Loại khách hàng
MA_KH(K)	Text	10	Mã khách hàng
HO_KH	Text	30	Họ khách hàng
TEN_KH	Text	10	Tên khách hàng
DIACHI	Text	255	Địa chỉ

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

PHONE	Text	15	Điện thoại
FAX	Text	15	Fax
EMAIL	Text	50	Email

Loại khách hàng : Để phân biệt khách hàng có công nợ hay không có công nợ.

5. Tbl_DMNCC : Danh mục nhà cung cấp

Field name	Data type	Size	Description
MA_NCC(K)	Text	10	Mã nhà cung cấp
TEN_NCC	Text	40	Họ tên nhà cung cấp
DIACHI	Text	255	Địa chỉ
PHONE	Text	15	Điện thoại
FAX	Text	15	Fax
EMAIL	Text	50	Email

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

6. Tbl_DMNV : Danh mục nhân viên

Field name	Data type	Size	Description
MA_NV(K)	Text	10	Mã nhân viên
HO_NV	Text	30	Họ nhân viên
TEN_NV	Text	10	Tên nhân viên
CHUCVU	Text	3	Chức vụ
DIACHI	Text	255	Địa chỉ
PHONE	Text	15	Điện thoại
EMAIL	Text	50	Email

7. Tbl_DMNH : Danh mục ngân hàng

Field name	Data type	Size	Description
-------------------	------------------	-------------	--------------------

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

MA_NH(K)	Text	10	Mã ngân hàng
TEN_NH	Text	255	Tên ngân hàng

8. Tbl_DMNT : Danh mục ngoại tệ

Field name	Data type	Size	Description
MA_NT(K)	Text	10	Mã ngoại tệ
DIENGLAI	Text	50	Diễn giải
TYGIA	Number	Double(Standard)	Tỷ giá

9. Tbl_DMTHUE : Danh mục thuế

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Field name	Data type	Size	Description
MA_THUE(K)	Text	10	Mã thuê
DIENGLAI	Text	255	Diễn giải
MUC_THUE	Number	Double(Standard)	Mức thuê

10. Tbl_DMNHOM : Danh mục nhóm hàng

Field name	Data type	Size	Description
MA_NHOM(K)	Text	10	Mã nhóm
TEN_NHOM	Text	50	Tên nhóm

11. Tbl_DMHH : Danh mục hàng hóa

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Field name	Data type	Size	Description
MA_HH(K)	Text	10	Mã hàng hóa
MA_NHOM	Text	10	Mã nhóm
TEN_HH	Text	255	Tên hàng
DVT	Text	10	Đơn vị tính
QUYCAC	Text	255	Quy cách
DGN_VND	Number	Double(Standard)	Đơn giá nhập VND
DGN_USD	Number	Double(Standard)	Đơn giá nhập USD
DGB_VND	Number	Double(Standard)	Đơn giá bán VND
DGB_USD	Number	Double(Standard)	Đơn giá bán USD

12. Tbl_DMKHO : Danh mục kho

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Field name	Data type	Size	Description
MA_KHO(K)	Text	10	Mã kho
TEN_KHO	Text	50	Tên kho
DIACHI	Text	50	Địa chỉ
PHONE	Text	15	Điện thoại

13. Tbl_DMHTNX : Danh mục hình thức nhập xuất

Field name	Data type	Size	Description
MA_NX(K)	Text	10	Mã nhập xuất
LYDO	Text	255	Lý do nhập xuất

14. Tbl_DMHTTT : Danh mục hình thức thanh toán

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Field name	Data type	Size	Description
MA_HTTT(K)	Text	5	Mã hình thức thanh toán
TEN_HTTT	Text	50	Tên HTTT

15. Tbl_TNDAUKY : Bảng xác định tháng năm đầu kỳ kế toán

Field name	Data type	Size	Description
THANG	Number	Byte	Tháng đầu kỳ kế toán
NAM	Number	Integer	Năm đầu kỳ kế toán

16. Tbl_THCTQ : Bảng xác định tình hình thu chi tồn quỹ tiền mặt

Field name	Data type	Size	Description
-------------------	------------------	-------------	--------------------

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

MA_QL(K)	Text	10	Mã quản lý
TON_DK	Number	Double(Standard)	Tồn đầu kỳ
SOTHU	Number	Double(Standard)	Số thu
SOCHI	Number	Double(Standard)	Số chi
TON_CK	Number	Double(Standard)	Tồn cuối kỳ

17. Tbl_SOQUYTM : Sổ quỹ tiền mặt

Field name	Data type	Size	Description
SO_CT(K)	Text	12	Số chứng từ
NGAY_GS	Date/Time	Short Date	Ngày ghi sổ
NGAY_CT	Date/Time	Short Date	Ngày chứng từ
NOIDUNG	Text	255	Nội dung

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

TIEN_TV	Number	Double(Standard)	Tiền thu vào
TIEN_CR	Number	Double(Standard)	Tiền chi ra
TON	Number	Double(Standard)	Tồn

18. Tbl_SODUTH

Field name	Data type	Size	Description
KEY_SDTH(K)	Text	30	Khoá xác định tháng năm và tài khoản có số dư
MA_TK	Text	14	Mã tài khoản
SDNO_DK	Number	Double(Standard)	Số dư nợ đầu kỳ
SDCO_DK	Number	Double(Standard)	Số dư có đầu kỳ

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

FSNO_TK	Number	Double(Standard)	Phát sinh nợ trong kỳ
FSCO_TK	Number	Double(Standard)	Phát sinh có trong kỳ
SDNO_CK	Number	Double(Standard)	Số dư nợ cuối kỳ
SDCO_CK	Number	Double(Standard)	Số dư có cuối kỳ

19. Tbl_HDNHAP : Hóa đơn nhập

Field name	Data type	Size	Description
SO_CT(K)	Text	12	Số chứng từ
SO_CTG	Text	20	Số chứng từ gốc
DIENGLAI	Text	255	Diễn giải
NGAYLAP_CT	Date/Time	Short Date	Ngày lập chứng từ
MA_NV	Text	10	Mã nhân viên lập

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

MA_NCC	Text	10	Mã nhà cung cấp
MA_KHO	Text	10	Mã kho
TYGIA	Number	Double(Standard)	Tỷ giá nhập
MA_CT	Text	10	Mã chứng từ
TK_NO	Text	10	Tài khoản nợ
TK_CO	Text	10	Tài khoản có
MA_NT	Text	15	Mã ngoại tệ
KT_THUE	Yes/No	Yes/No	Kiểm tra thuế
MA_HTTT	Text	5	Mã hình thức thanh toán

20. Tbl_HDNHAPCT : Hóa đơn nhập chi tiết

Field name	Data type	Size	Description
-------------------	------------------	-------------	--------------------

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

SO_CT(K)	Text	12	Số chứng từ
MA_HH(K)	Text	10	Mã hàng hóa
MA_THUE	Text	10	Mã thuế
DVT	Text	10	Đơn vị tính
SL_NHAP	Number	Long Integer	Số lượng nhập
DG_USD	Number	Double(Standard)	Đơn giá USD
DG_VND	Number	Double(Standard)	Đơn giá VND
TIEN_USD	Number	Double(Standard)	Số tiền nguyên tệ
TIEN_VND	Number	Double(Standard)	Tiền quy đổi ra VND
TONGCONG	Number	Double(Standard)	Tổng cộng

21. Tbl_HDXUAT : Hóa đơn xuất

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Field name	Data type	Size	Description
SO_CT(K)	Text	12	Số chứng từ
SO_CTG	Text	20	Số chứng từ gốc
DIENGLAI	Text	255	Diễn giải
NGAYLAP_CT	Date/Time	Short Date	Ngày lập chứng từ
MA_NV	Text	10	Mã nhân viên lập
MA_KH	Text	10	Mã khách hàng
MA_KHO	Text	10	Mã kho
TYGIA	Number	Double(Standard)	Tỷ giá nhập
MA_CT	Text	10	Mã chứng từ
TK_NO	Text	10	Tài khoản nợ
TK_CO	Text	10	Tài khoản có
MA_NT	Text	15	Mã ngoại tệ

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

KT_THUE	Yes/No	Yes/No	Kiểm tra thuế
MA_HTTT	Text	5	Mã hình thức thanh toán

22. Tbl_HDXUATCT : Hóa đơn xuất chi tiết

Field name	Data type	Size	Description
SO_CT(K)	Text	12	Số chứng từ
MA_HH(K)	Text	10	Mã hàng hóa
MA_THUE	Text	10	Mã thuế
DVT	Text	10	Đơn vị tính
SL_XUAT	Number	Long Integer	Số lượng xuất
DG_USD	Number	Double(Standard)	Đơn giá USD
DG_VND	Number	Double(Standard)	Đơn giá VND

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

TIEN_USD	Number	Double(Standard)	Số tiền nguyên tệ
TIEN_VND	Number	Double(Standard)	Tiền quy đổi ra VND
TONGCONG	Number	Double(Standard)	Tổng cộng

23. Tbl_PHIEUTHU : Phiếu thu tiền mặt

Field name	Data type	Size	Description
SO_CT(K)	Text	12	Số chứng từ
NGAYLAP_CT	Date/Time	Short Date	Ngày lập
MA_CT	Text	10	Mã chứng từ
MA_KH	Text	10	Mã khách hàng
TK_NO	Text	10	Tài khoản nợ

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

TK_CO	Text	10	Tài khoản có
TIEN_TT	Number	Double(Standard)	Tiền thanh toán
TYGIA_TT	Number	Double(Standard)	Tỷ giá thực tế
DOIRA_VND	Number	Double(Standard)	Đổi ra tiền VND
DIENGLAI	Text	255	Diễn giải
MA_NT	Text	15	Mã ngoại tệ
MA_NH	Text	10	Mã ngân hàng
MA_THUE	Text	10	Mã thuế
KT_THUE	Yes/No	Yes/No	Kiểm tra thuế

24. Tbl_PHIEUCHI : Phiếu chi tiền mặt

Field name	Data type	Size	Description
-------------------	------------------	-------------	--------------------

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

SO_CT(K)	Text	12	Số chứng từ
NGAYLAP_CT	Date/Time	Short Date	Ngày lập
MA_CT	Text	10	Mã chứng từ
MA_NCC	Text	10	Mã nhà cung cấp
TK_NO	Text	10	Tài khoản nợ
TK_CO	Text	10	Tài khoản có
TIEN_TT	Number	Double(Standard)	Tiền thanh toán
TYGIA_TT	Number	Double(Standard)	Tỷ giá thực tế
DOIRA_VND	Number	Double(Standard)	Đổi ra tiền VND
DIENGLAI	Text	255	Diễn giải
MA_NT	Text	15	Mã ngoại tệ
MA_NH	Text	10	Mã ngân hàng
MA_THUE	Text	10	Mã thuế

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

KT_THUE	Yes/No	Yes/No	Kiểm tra thuế
---------	--------	--------	---------------

25. Tbl_PHIEUTHUCN : Phiếu thu công nợ

Field name	Data type	Size	Description
SO_CT(K)	Text	12	Số chứng từ
MA_CT	Text	10	Mã chứng từ
MA_KH	Text	10	Mã khách hàng
NGAYLAP_CT	Date/Time	Short Date	Ngày lập chứng từ
TK_NO	Text	10	Tài khoản nợ
TK_CO	Text	10	Tài khoản có

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

MA_NH	Text	10	Mã ngân hàng
TIEN_VND	Number	Double(Standard)	Tiền VND
TYGIA	Number	Double(Standard)	Tỷ giá
TIEN_USD	Number	Double(Standard)	Tiền USD
MA_NT	Text	15	Mã ngoại tệ
DIENGLAI	Text	255	Diễn giải

26. Tbl_PHIEUCHICN : Phiếu chi công nợ

Field name	Data type	Size	Description
SO_CT(K)	Text	12	Số chứng từ
MA_CT	Text	10	Mã chứng từ
MA_NCC	Text	10	Mã nhà cung cấp

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

NGAYLAP_CT	Date/Time	Short Date	Ngày lập chứng từ
TK_NO	Text	10	Tài khoản nợ
TK_CO	Text	10	Tài khoản có
MA_NH	Text	10	Mã ngân hàng
TIEN_VND	Number	Double(Standard)	Tiền VND
TYGIA	Number	Double(Standard)	Tỷ giá
TIEN_USD	Number	Double(Standard)	Tiền USD
MA_NT	Text	15	Mã ngoại tệ
DIENGLAI	Text	255	Diễn giải

27. Tbl_SDCONGNO : Công nợ đầu kỳ, cuối kỳ và phát sinh công nợ trong kỳ

Field name	Data type	Size	Description
KEY_CONGNO (K)	Text	30	Khóa xác định tháng năm và khách hàng, nhà cung cấp có công nợ
MA_KH	Text	10	Mã khách hàng
MA_NCC	Text	10	Mã nhà cung cấp
MA_TK	Text	14	Mã tài khoản
NOVND_DK	Number	Double(Standard)	Nợ VND đầu kỳ
COVND_DK	Number	Double(Standard)	Có VND đầu kỳ
NOFSVND_TK	Number	Double(Standard)	Nợ phát sinh VND trong kỳ
COFSVND_TK	Number	Double(Standard)	Có phát sinh VND trong kỳ
NOVND_CK	Number	Double(Standard)	Nợ VND cuối kỳ

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

COVND_CK	Number	Double(Standard)	Có VND cuối kỳ
PHANLOAI	Text	1	Phân loại công nợ
NOUSD_DK	Number	Double(Standard)	Nợ USD đầu kỳ
COUSD_DK	Number	Double(Standard)	Có USD đầu kỳ
NOFSUSD_TK	Number	Double(Standard)	Nợ phát sinh USD trong kỳ
COFSUSD_TK	Number	Double(Standard)	Có phát sinh USD trong kỳ
NOUSD_CK	Number	Double(Standard)	Nợ USD cuối kỳ
COUSD_CK	Number	Double(Standard)	Có USD cuối kỳ

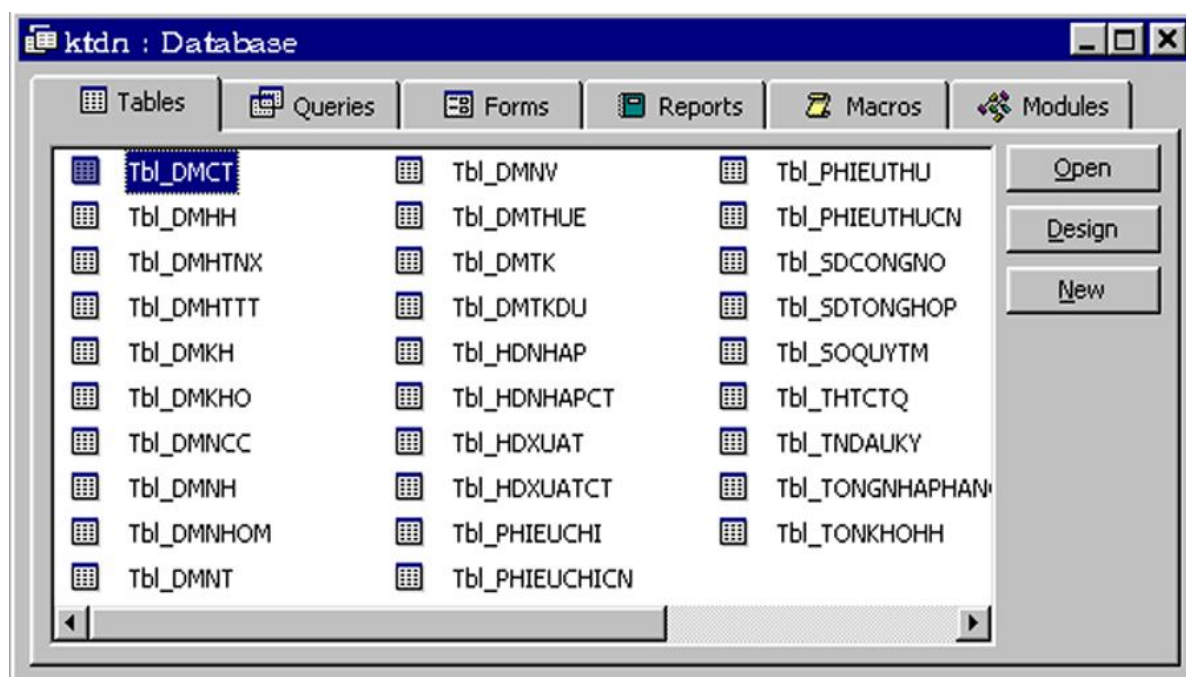
28. Tbl_TONKHOHH : Tiền kho hàng hóa

Field name	Data type	Size	Description
KEY_TKHH(K)	Text	30	Khóa xác định tháng năm và mặt hàng tồn
MA_HH	Text	10	Mã hàng hóa
MA_NHOM	Text	10	Mã nhóm
MA_KHO	Text	10	Mã kho
QUYCACHT	Text	255	Quy cách
SL_DK	Number	Long Integer	Số lượng đầu kỳ
GTUSD_DK	Number	Double(Standard)	Giá trị USD đầu kỳ

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

GTVND_DK	Number	Double(Standard)	Giá trị VND đầu kỳ
SL_NHAP	Number	Long Integer	Số lượng nhập
GTUSD_NHAP	Number	Double(Standard)	Giá trị USD nhập
GTVND_NHAP	Number	Double(Standard)	Giá trị VND nhập
SL_XUAT	Number	Long Integer	Số lượng xuất
GTUSD_XUAT	Number	Double(Standard)	Giá trị USD xuất
GTVND_XUAT	Number	Double(Standard)	Giá trị VND xuất
SL_CK	Number	Long Integer	Số lượng cuối kỳ
GTUSD_CK	Number	Double(Standard)	Giá trị USD cuối kỳ
GTVND_CK	Number	Double(Standard)	Giá trị VND cuối kỳ
DGBQ_USD	Number	Double(Standard)	Đơn giá bình quân USD
DGBQ_VND	Number	Double(Standard)	Đơn giá bình quân VND

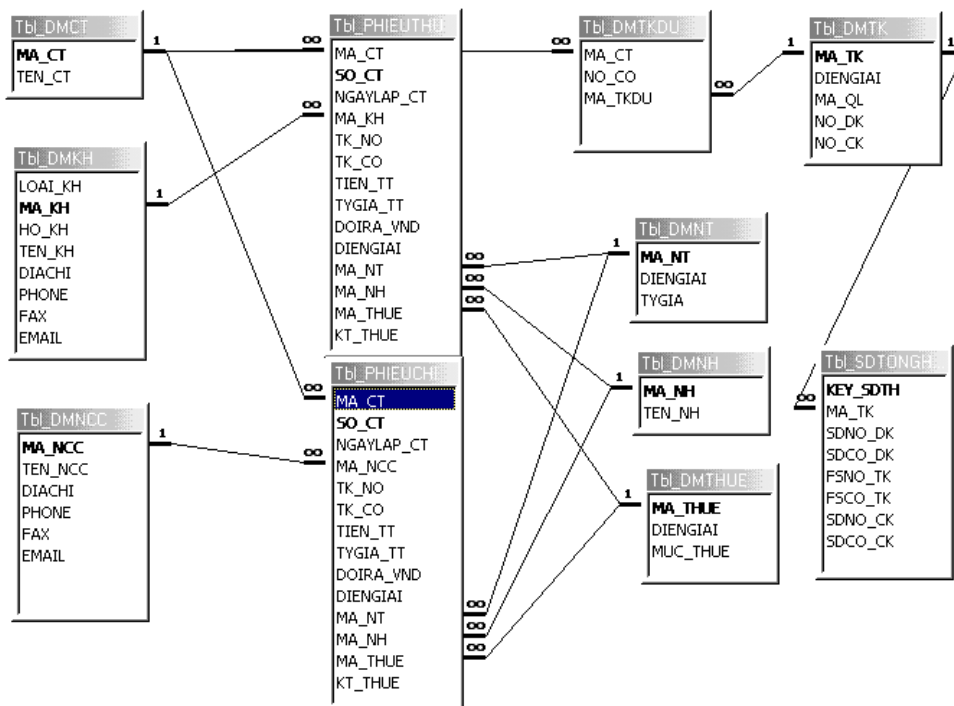
b. Dùng Microsoft Access để tạo bộ cơ sở dữ liệu



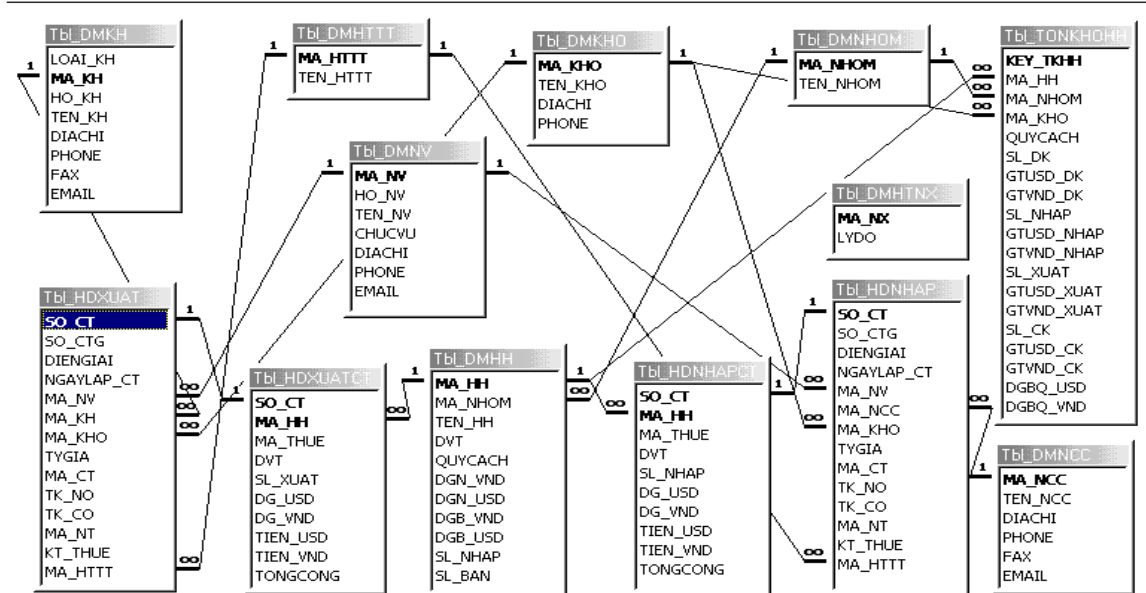
Cơ sở dữ liệu cho Chương Trình Quản Lý Kế Toán Doanh Nghiệp

c. Mối quan hệ cho các bảng dữ liệu trong chương trình

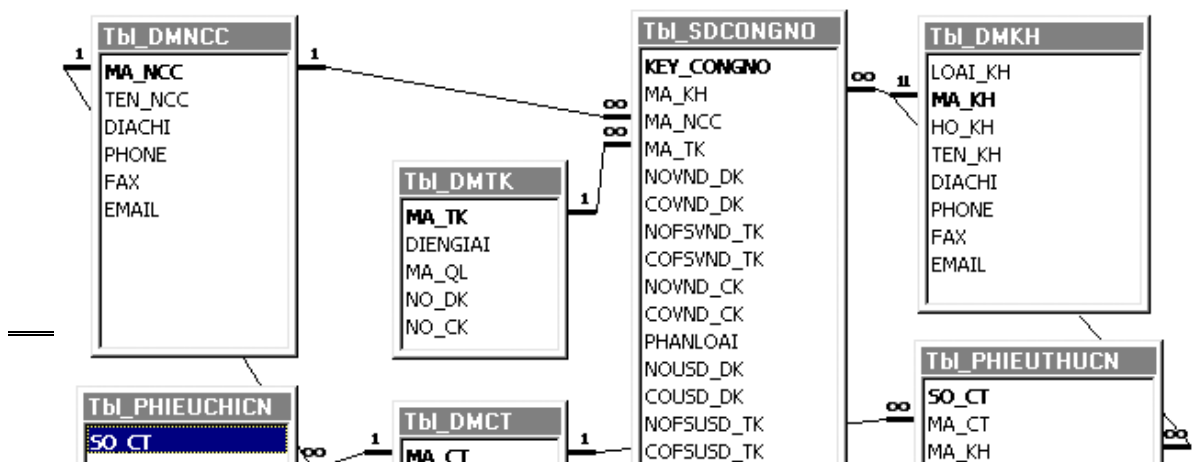
Relationship phân hệ kế toán tiền mặt



Relationship phân hệ kế toán hàng hóa



Relationship phân hệ kế toán công nợ



PHẦN IV

SỬ DỤNG NGÔN NGỮ LẬP TRÌNH VISUAL BASIC

ĐỀ THIẾT KẾ CHƯƠNG TRÌNH

1. Ngôn ngữ lập trình Visual Basic

Visual Basic có rất nhiều tính năng mới. Các điều khiển mới cho phép viết các chương trình ứng dụng kết hợp giao diện, cách xử lý và tính năng của Microsoft

Office 97 và trình duyệt Web Internet Explorer, không nhất thiết phải có một bản sao của điều khiển trên biểu mẫu.

Visual Basic cho phép :

- ♦ Lập trình để thêm điều khiển vào đề án tự động và có thể tạo ra các điều khiển Activex hiệu chỉnh.
- ♦ Viết các chương trình ứng dụng phía máy chủ (Server side) dùng HTML động nhúng kết nối với các thư viện liên kết động của Internet Information Server.
- ♦ Một vài cải tiến cho phép làm việc với các ứng dụng truy cập dữ liệu ở tầm cỡ vĩ mô liên quan đến hàng trăm, hàng nghìn người sử dụng qua mạng hay qua Internet.

Visual Basic cung cấp các đối tượng dữ liệu Activex cho phép kết nối với các tập tin cơ sở dữ liệu. Ngoài các điều khiển Activex Visual Basic còn có một bộ công cụ và kỹ thuật mới giúp truy cập dữ liệu dễ dàng hơn. Trình thiết kế môi trường dữ liệu cho phép xem xét và thao tác dữ liệu trong CSDL khác nhau. Bởi vì bản thân môi trường dữ liệu là những đối tượng, có thể sử dụng chúng như một điều khiển dữ liệu. Thậm chí có thể gắn nó với các điều khiển khác.

Visual Basic cung cấp một vài điều khiển dữ liệu mới cho phép tận dụng các thế mạnh của điều khiển dữ liệu ADO. Điều khiển DataGrid cho phép xem dữ liệu dưới dạng bảng gồm các dòng và cột. DataList và DataCombo tương tự như DBList và DBCombo, có thể dùng chúng để lấy một danh sách dữ liệu từ điều khiển ADO trong cấu hình hộp danh sách (ListBox) hoặc hộp kết hợp (ComboBox).

Visual Basic mở rộng khả năng báo cáo với trình báo cáo dữ liệu cho phép tạo, xem trước, và in các báo cáo trong Visual Basic tương tự như Access và có thể lấy các điều khiển báo cáo từ hộp công cụ báo cáo dữ liệu mới và đưa vào biểu mẫu báo cáo dữ liệu.

2. Các đối tượng truy cập dữ liệu

Dynamic Data Exchange (DDE) : Trao đổi dữ liệu động

Cho phép các ứng dụng chia sẻ thông tin với nhau trong lúc thi hành. Cơ chế giao tiếp là một ứng dụng sẽ gửi dữ liệu vào một vùng được quy định sẵn bởi một ứng dụng khác. Tuy nhiên, người lập trình phải thiết lập mọi thứ cho giao tiếp trao đổi dữ liệu nên cách thực hiện theo DDE rất phức tạp.

Object Linking and Embedding (OLE) : Nhúng và kết nối đối tượng

OLE tuân thủ triết lý của Windows (Click chuột, kéo và thả). OLE có thể kéo dữ liệu từ ứng dụng này và thả vào ứng dụng khác.

OLE có hai kỹ thuật :

- ◆ Khởi động tại chỗ (In-place activation) : Một dữ liệu được tạo ra bởi ứng dụng 1 và được thả vào ứng dụng 2. Nhấn Double click chuột lên dữ liệu ở ứng dụng 2 nó sẽ hoạt động giống như ở ứng dụng 1.
- ◆ Tự động hóa (Automation) : áp dụng khả năng tái sử dụng đối tượng và tận dụng triệt để các thế mạnh của các đối tượng.

Activex

Activex là thế hệ sau của OLE. Nên Activex chứa đựng tất cả tính năng của OLE và được bổ sung thêm nhiều chức năng khác như cho phép việc sử dụng các đoạn chương trình có sẵn mà không cần quan tâm chúng có nguồn gốc từ đâu hay hoạt động như thế nào.

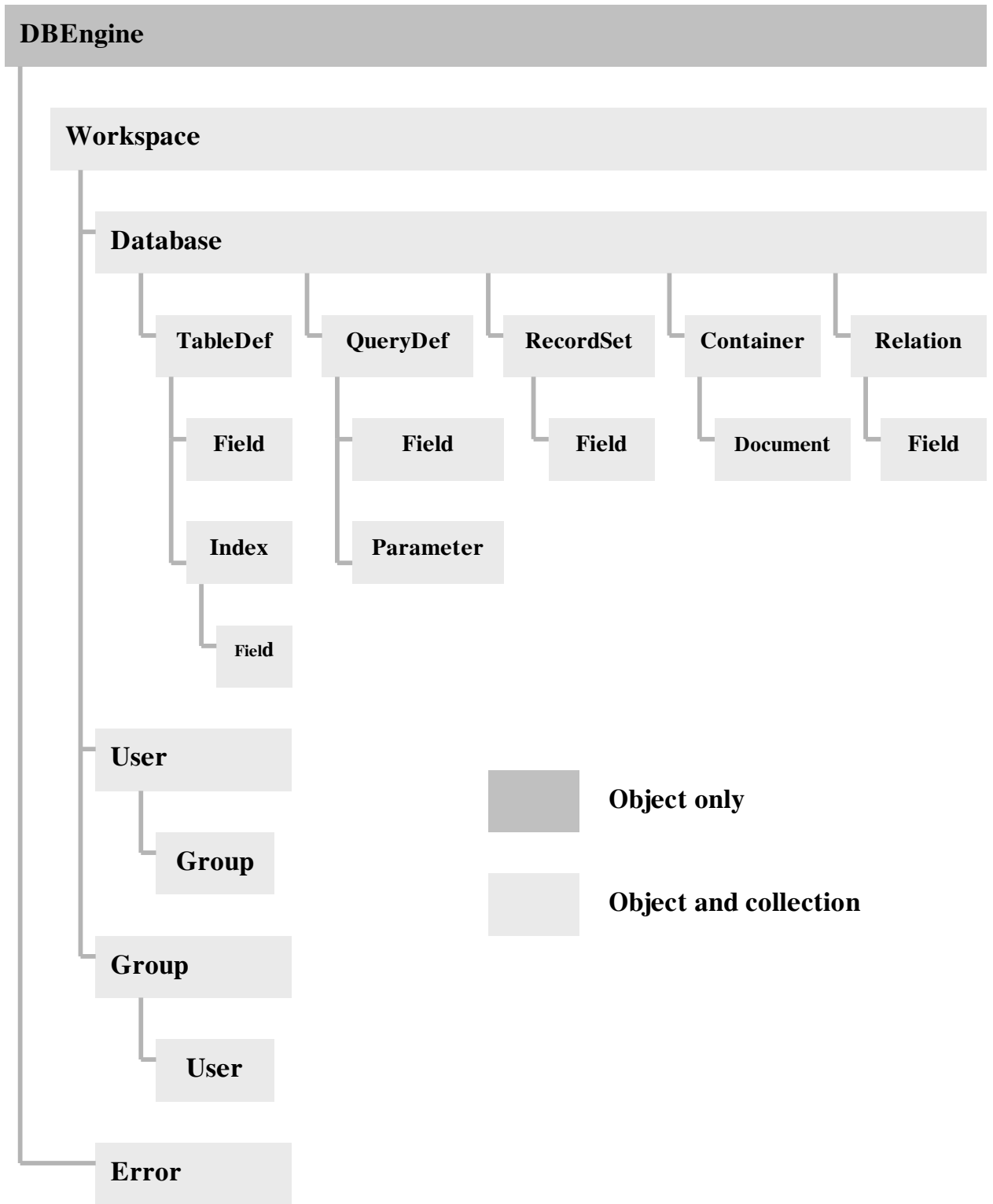
3. sử dụng các đối tượng truy cập dữ liệu trong chương trình

Điều khiển DAO (Data Access Objects)

Cho phép thi hành các câu truy vấn, cập nhật giá trị trong các bảng cơ sở dữ liệu và tạo cấu trúc cơ sở dữ liệu bao gồm các bảng, các câu truy vấn chứa sẵn và mối quan hệ giữa các bảng.

Ưu điểm : Giao diện lập trình của DAO vô cùng mạnh mẽ và dễ sử dụng. Với các cơ sở dữ liệu Jet của Microsoft, DAO cho phép truy cập các tính năng không có sẵn trong SQL hay ADO (Đối tượng dữ liệu Activex – Activex Data Object). DAO có thể sử dụng để truy cập các cơ sở dữ liệu trên máy cá nhân hay Client/Server.

Khuyết điểm : Mô hình đối tượng DAO khá phức tạp



Thông qua các tập hợp sở hữu đối tượng Database có thể thao tác trên dữ liệu và cấu trúc của một cơ sở dữ liệu, tạo các đối tượng cơ sở dữ liệu mới, kiểm tra cấu trúc và dữ liệu chứa trong một cơ sở dữ liệu.

Trong lập trình DAO, có một tập hợp cốt lõi gồm các kỹ thuật thông dụng được sử dụng gần như cho mọi chương trình, bao gồm :

- ♦ Thi hành câu truy vấn SELECT để lấy về các dữ liệu từ cơ sở dữ liệu.

- ◆ Duyệt qua từng mẫu tin trong một RecordSet
- ◆ Thi hành câu truy vấn hành động (bao gồm các câu truy vấn Update, Delete, Append)
- ◆ Sửa đổi cấu trúc cơ sở dữ liệu
- ◆ Xử lý lỗi phát sinh bởi truy cập cơ sở dữ liệu.

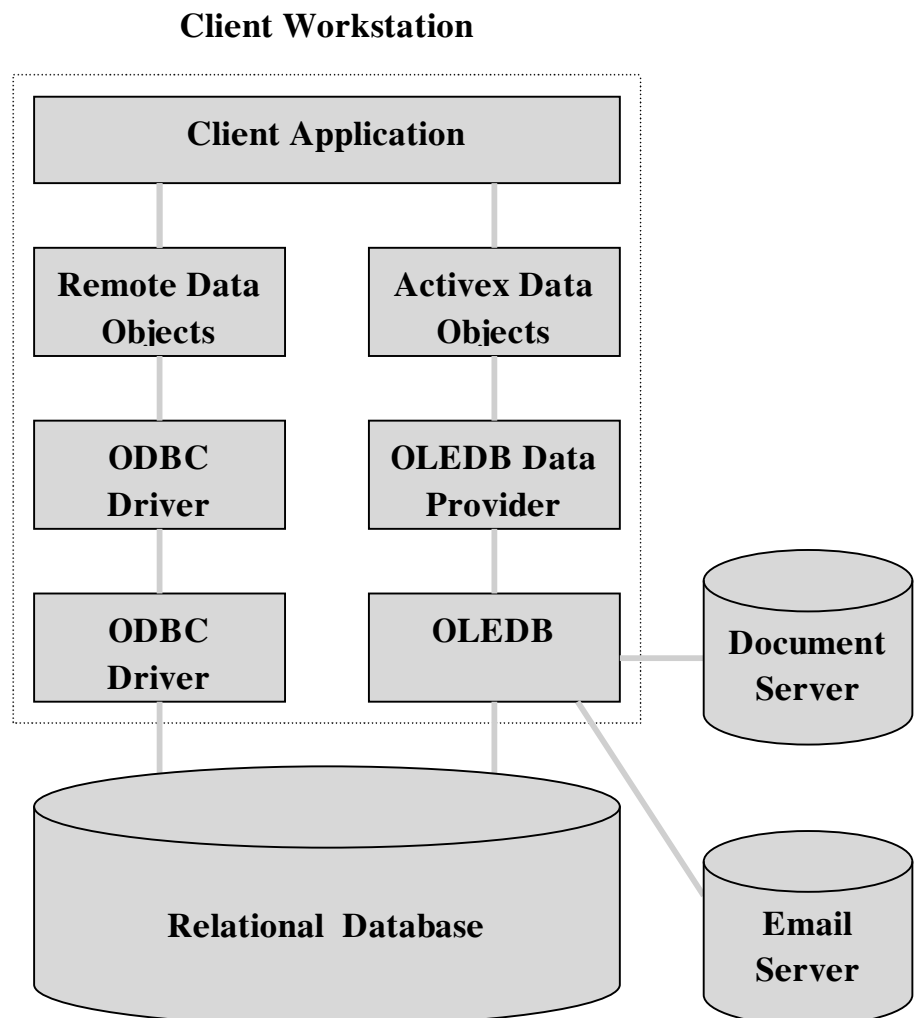
Điều khiển ADO DC (*Microsoft ADO Data Control 6.0 (OLEDB)*)

Visual Basic cung cấp các đối tượng dữ liệu ActiveX (ActiveX Data Object - ADO). ADO tổng hợp và thay thế việc truy cập dữ liệu của DAO (Đối tượng truy cập dữ liệu – Data Access Object) và RDO (Đối tượng dữ liệu từ xa – Remote Data Object). ADO là công nghệ truy cập cơ sở dữ liệu hướng đối tượng tương tự như DAO và RDO, giao diện dựa trên đối tượng cho công nghệ dữ liệu OLEDB. Ngoài ra, ADO dễ sử dụng và có tầm hoạt động rộng hơn dùng để kết nối với các tập tin cơ sở dữ liệu và có thể truy cập dữ liệu từ xa.

ADO được xem là kỹ thuật để truy cập cơ sở dữ liệu từ Web Server. Bởi vì ADO được cung cấp dưới dạng thư viện Activex Server (tương tự DAO và RDO), nên rất thuận lợi dùng trong ứng dụng Visual Basic. Trong thực tế, bằng nhiều cách đã chứng minh rằng sử dụng ADO để làm việc với cơ sở dữ liệu Client/Server thì dễ hơn các kỹ thuật khác.

Phần lớn các nhà lập trình Visual Basic không tương tác trực tiếp với OLEDB. Thay vào đó, họ lập trình với ADO, mô hình đối tượng cung cấp giao diện với OLEDB.

Khi dùng ADO thì chỉ cần lập trình với phần giao diện người sử dụng ở phía Client. Bởi vì việc truy cập dữ liệu trên cả trình duyệt Web và ứng dụng Visual Basic được chuyển hết về phía *Activex Server* nên logic chương trình luôn nhất quán, bất kể loại ứng dụng nào đang được sử dụng.

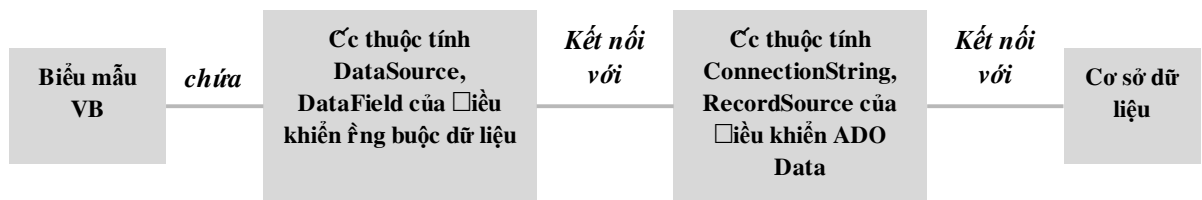


Client Workstation

Client Application

**Activex Data
Obiects**

Cấu trúc này cho phép dùng thành phần lập trình Activex thông dụng trên cả trình duyệt Web và ứng dụng Client Visual Basic.



Cách thức của điều khiển ADO Data kết nối với cơ sở dữ liệu trong ứng dụng

4. Các điều khiển giao diện người sử dụng

- ♦ **Điều khiển nội tại** (Hoạt động với mọi ấn bản của Visual Basic)

Các điều khiển này đều có thể trực tiếp nối kết với một trường trong một cơ sở dữ liệu thông qua một điều khiển dữ liệu hoặc nguồn dữ liệu khác như trình thiết kế **DataEnvironment**.

Nhập dữ liệu với điều khiển TEXTBOX : Dùng sửa đổi dữ liệu kiểu chuỗi và kiểu số từ một cơ sở dữ liệu.

Ràng buộc vào trình thiết kế DataEnvironment : Là khả năng tạo một giao diện người sử dụng ràng buộc dữ liệu. Bởi vì có thể chia sẻ trình thiết kế DataEnvironment qua nhiều biểu mẫu và nhiều ứng dụng, điều này sẽ cho tất cả các tính năng và sự dễ dàng lập trình trong một ứng dụng ràng buộc dữ liệu bởi vì không cần ràng buộc từng điều khiển riêng rẽ với nguồn dữ liệu.

Truy cập giá trị Boolean với điều khiển CHECKBOX : dùng CheckBox để hiển thị một giá trị True hay False từ một trường trong một cơ sở dữ liệu.

Sử dụng điều khiển LISTBOX để hiển thị dữ liệu : dùng ListBox để hiển thị các phần tử trong một danh sách chọn lựa dành cho người sử dụng. Nhưng khi sử dụng ListBox để hiển thị dữ liệu từ một cơ sở dữ liệu vẫn có một số hạn chế về lượng dữ liệu dùng để chứa và hiển thị.

TabControl : Làm cho các chức năng của chương trình nằm gọn trên một form.

- ♦ **Điều khiển Activex** (*Là những thành phần bổ sung cho bản Professional và Enterprise của Visual Basic*)

Khác với các điều khiển giao diện người sử dụng, các điều khiển này không được cung cấp bởi hệ điều hành. Thay vào đó, ta phải phân phát điều khiển bổ sung vào các máy tính của người sử dụng để ứng dụng có thể sử dụng chúng.

Sử dụng điều khiển DataGrid : DataGrid có khả năng hiển thị dữ liệu dưới dạng dòng, cột khi ràng buộc với điều khiển ADO Data hay trình thiết kế DataEnvironment.

Sử dụng điều khiển DataList và DataCombo : Điều khiển DataList và DataCombo là những điều khiển sao chép lại các chức năng của điều khiển DBList. DataList cung cấp danh sách các chọn lựa, DataCombo dùng nối kết dữ liệu nhập vào điều khiển với một trường trong cơ sở dữ liệu, cả hai đều tương thích với DAO Data và ADO Data mới.

5. Sử dụng các câu truy vấn (SQL)

Một câu truy vấn là một lệnh cơ sở dữ liệu để lấy về các mẫu tin. Sử dụng câu truy vấn, có thể lấy dữ liệu từ một hoặc nhiều trường trong một hay nhiều bảng. Ngoài ra, còn có thể ép các dữ liệu lấy về theo một hoặc nhiều ràng buộc, gọi là các tiêu chí để hạn chế số lượng dữ liệu lấy về.

SQL là giải pháp chuẩn để thao tác với cơ sở dữ liệu. Nó được thực hiện theo nhiều dạng khác nhau trong các hệ thống cơ sở dữ liệu quan hệ, bao gồm Access và SQL Server

Các câu truy vấn SQL cho khả năng lấy về các mẫu tin từ một bảng cơ sở dữ liệu, đối chiếu các dữ liệu quan hệ với nhau trong nhiều bảng và thao tác với cấu trúc của cơ sở dữ liệu. Các kiểu truy vấn SQL nhất định có thể điền dữ liệu vào một điều khiển dữ liệu. Trong chương trình, các câu truy vấn SQL được dùng khi thao tác với các cơ sở dữ liệu thông qua sử dụng mô hình đối tượng DAO, RDO và ADO.

Lợi ích khi dùng SQL

Theo kinh nghiệm trong Visual Basic, bất cứ chỗ nào dùng một tham chiếu đến một bảng, đều có thể thay thế bằng cách sử dụng một câu lệnh SQL hoặc một tham chiếu đến một truy vấn đã lưu trữ nhưng bản thân nó vẫn dựa vào một câu lệnh SQL.

Nơi thích hợp nhất để đặt một câu lệnh SQL, dựa trên các kỹ thuật truy cập dữ liệu, là thuộc tính *RecordSource* của một điều khiển dữ liệu. Vì vậy, thay vì chỉ ra thuộc tính *RecordSource* là tên của một bảng, có thể đổi thuộc tính này thành tên của một câu truy vấn chứa sẵn hay một câu lệnh SQL như : ***SELECT * FROM TEN_BANG ORDER BY KEY***. Điều này cho ta sự linh hoạt đáng kể khi chọn lựa một nguồn mẫu tin.

Sử dụng câu lệnh SQL trong các ngữ cảnh khác nhau của chương trình

- ♦ Tham số *Source* của phương thức *OpenRecordSet* của đối tượng *DataBase* của DAO được sử dụng phổ biến nhất khi truy vấn các mẫu tin từ một cơ sở dữ liệu Access.
- ♦ Sử dụng thuộc tính *Source* của một đối tượng *RecordSet* của ADO.

Sử dụng câu lệnh SELECT để lấy về các mẫu tin

Câu lệnh *SELECT* là cốt lõi của mọi truy vấn lấy về dữ liệu. Nó thông báo cho bộ máy cơ sở dữ liệu những trường nào sẽ được lấy về. Dạng thông dụng nhất của câu lệnh *SELECT* là : *SELECT **

Mệnh đề có ý nghĩa là “trả về tất cả các trường tìm thấy trong nguồn mẫu tin chỉ định”. Dạng lệnh này rất tiện dụng vì không cần biết tên của trường để lấy chúng về từ một bảng. Tuy nhiên, lấy về tất cả các cột trong một bảng có thể không hiệu quả, nhất là trong trường hợp mà ta chỉ cần 2 cột mà truy vấn của ta trả về quá nhiều.

Vì vậy, ngoài việc thông báo cho bộ máy cơ sở dữ liệu để trả về tất cả các trường trong nguồn mẫu tin, ta còn có khả năng chỉ ra chính xác trường nào cần lấy về. Hiệu ứng lọc bớt này cải tiến hiệu quả của một truy vấn, nhất là trên bảng lớn có nhiều trường trong chương trình, bởi vì trong chương trình ta chỉ cần lấy về trường nào cần thiết.

Sử dụng mệnh đề FROM để chỉ nguồn mẫu tin

Mệnh đề *FROM* làm việc với câu lệnh *SELECT* để trả về các mẫu tin trong bảng, ví dụ : *SELECT * FROM TEN_BANG* . Vì một câu truy vấn *SELECT*

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

FROM không xếp theo thứ tự nên thứ tự trả về là không xác định. Để câu truy vấn có hiệu quả, cần phải giới hạn số trường lấy về bằng cách sử dụng mệnh đề **WHERE**.

Sử dụng mệnh đề WHERE để chỉ ra tiêu chí lọc

Mệnh đề **WHERE** thông báo với bộ máy cơ sở dữ liệu để giới hạn số mẫu tin trả về theo một hay nhiều tiêu chí lọc do người lập trình cung cấp. Kết quả trả về của tiêu chí lọc là **TRUE/FALSE**.

Ví dụ : Lấy về một danh sách của những khách hàng ở thành phố Hồ Chí Minh

```
SELECT HOLOT,TEN,THANHPHO FROM TBL_KHACHHANG WHERE  
MATP='HCM'
```

Tóm lại, chìa khóa của sự thành công trong việc phát triển Client/Server là phát triển các chiến thuật để đảm bảo rằng các ứng dụng Client không lấy về quá nhiều mẫu tin cùng lúc. Điều này đảm bảo rằng ứng dụng sẽ chạy nhanh hơn và không gây ra những phiền phức cho máy tính như là hết bộ nhớ. Một trong những vũ khí cơ bản để tránh những hậu quả trên là dùng mệnh đề **WHERE**.

Sử dụng ORDER BY trong câu lệnh SQL để sắp xếp kết quả

Mệnh đề **ORDER BY** thông báo cho bộ máy cơ sở dữ liệu cần sắp xếp các mẫu tin mà nó lấy về. Mặc định của **ORDER BY** là sắp xếp tăng dần, ví dụ :

Sắp xếp tăng dần

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

```
SELECT [ĐỊA CHỈ],[HỌ TÊN] FROM TBL_KHACHHANG WHERE  
MATP='HCM' ORDER BY MA_KH
```

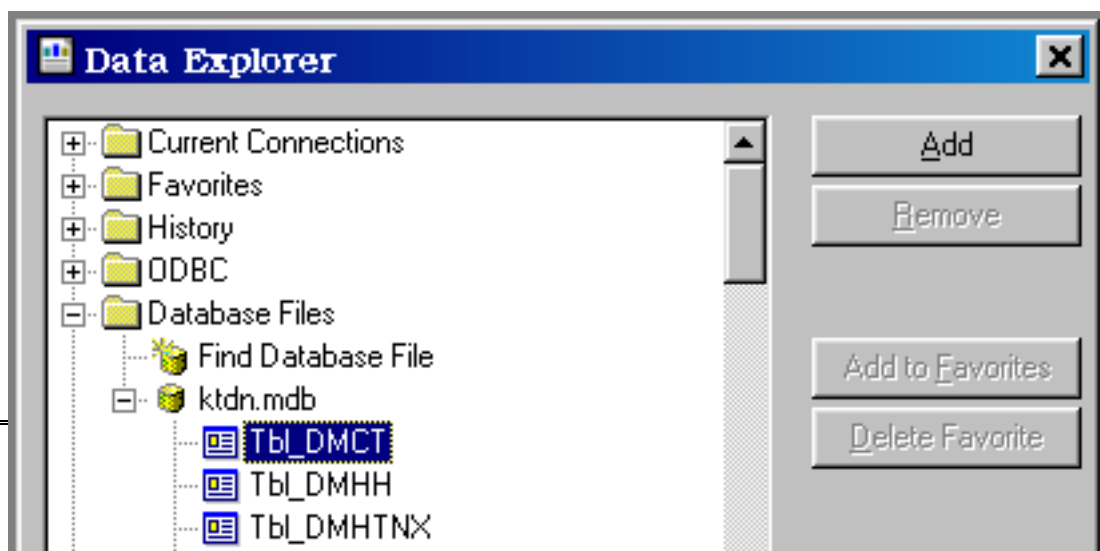
Sắp xếp giảm dần

```
SELECT [ĐỊA CHỈ],[HỌ TÊN] FROM TBL_KHACHHANG WHERE  
MATP='HCM' ORDER BY MA_KH DESC
```

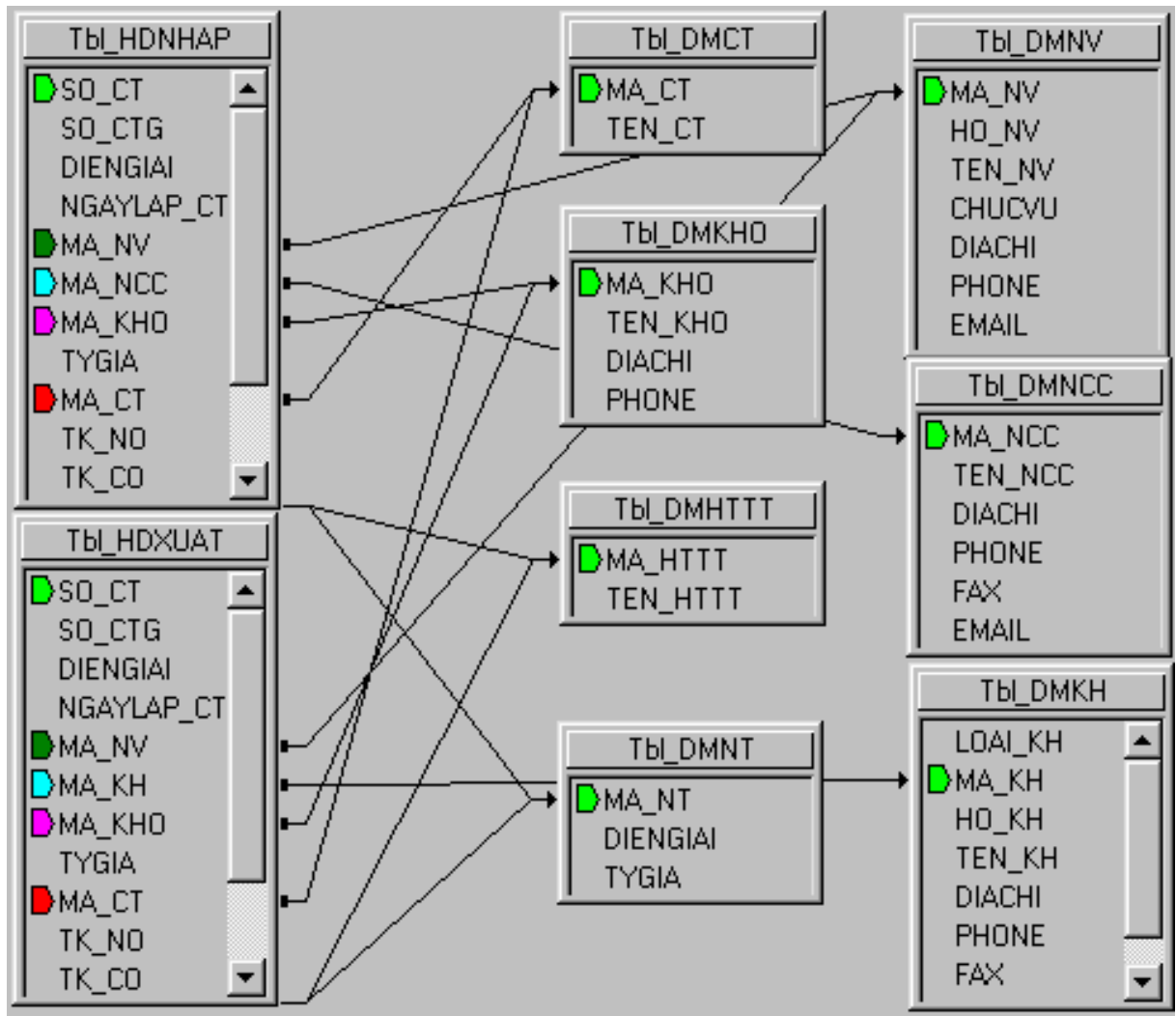
6. Thiết lập báo cáo và xuất thông tin

Trong chương trình dùng công cụ *Crystal Report 8.5* để lập báo cáo, nó gồm có hai phần :

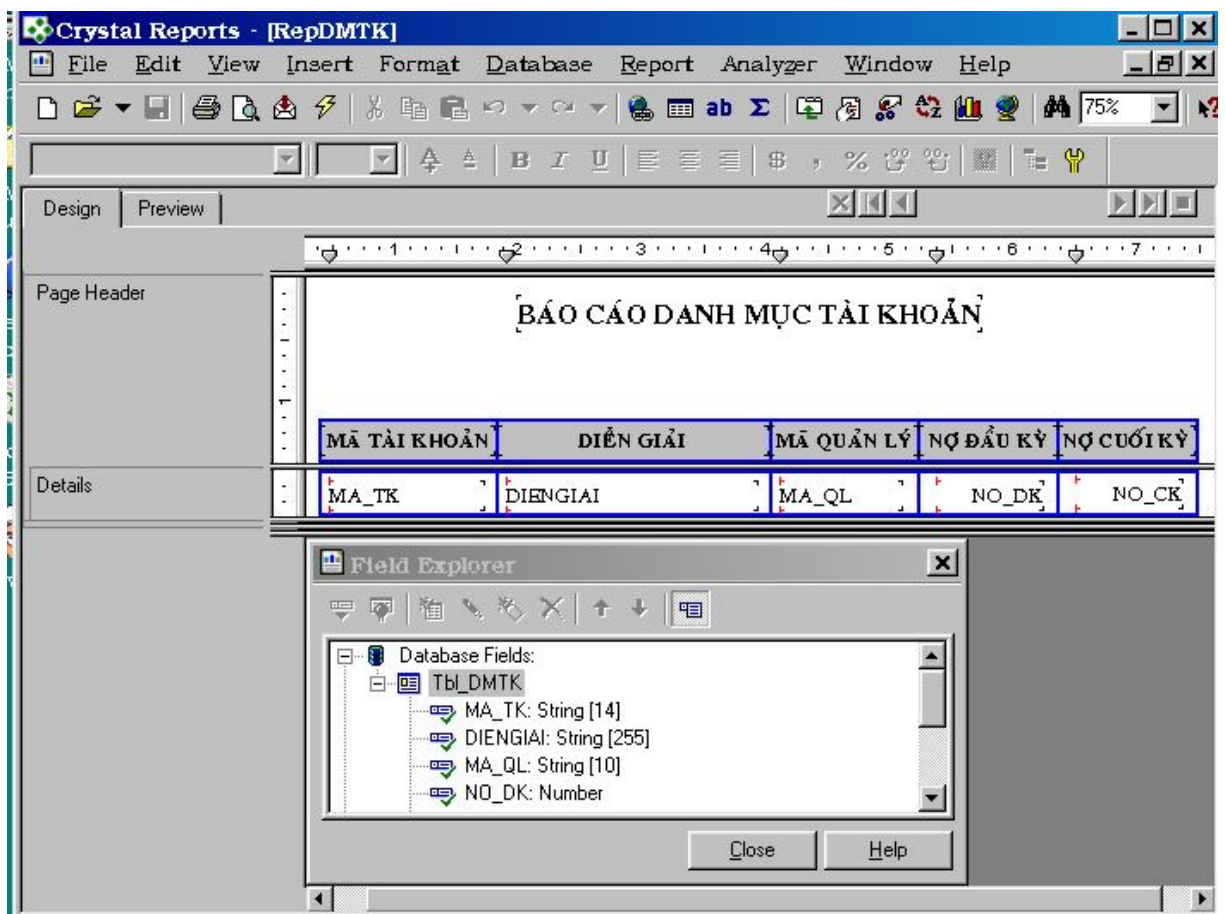
- ♦ Trình thiết kế báo cáo xác định dữ liệu sẽ đưa vào báo cáo và cách thể hiện của báo cáo.
- ♦ Một điều khiển Activex cho phép thi hành, hiển thị, in ấn điều khiển lúc thi hành ứng dụng.



Bởi vì các mối quan hệ định nghĩa sẵn cho cơ sở dữ liệu đã được xác định ở mức bộ máy cơ sở dữ liệu nên Crystal Report tự động tạo mối quan hệ giữa các bảng như khi tạo trong Microsoft Access.



Cửa sổ biểu diễn mối quan hệ của các bảng trong Crystal Report



Cửa sổ thiết kế bố cục trong Crystal Report

7. Tạo bộ giúp đỡ

Để chương trình mang tính chuyên nghiệp cần tạo bộ giúp đỡ để người sử dụng có thể giải đáp một số thắc mắc về chương trình khi có vấn đề.

Một số phần mềm hiện nay trên thị trường hỗ trợ việc tạo bộ giúp đỡ như : WinHelp, ForeHelp, HTML Help, WorkShop, RoboHelp...

8. Đóng gói chương trình

Chương trình được đóng gói và có thể triển khai.

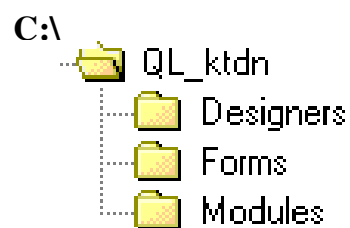
PHẦN V

CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

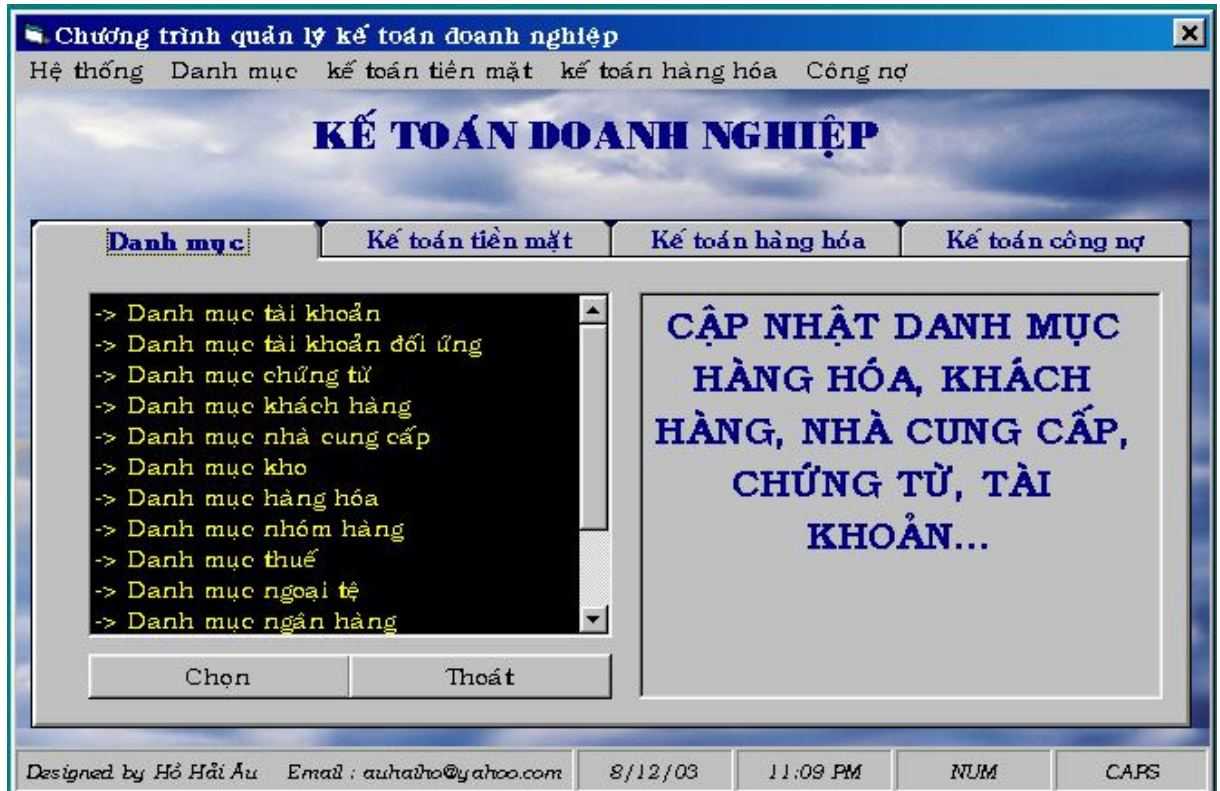
GIAO DIỆN VÀ MÃ NGUỒN CỦA MỘT SỐ FORM

CẬP NHẬT – BÁO CÁO

1. Hệ thống Folder để lưu trữ chương trình



2. Giao diện chính của chương trình



3. Một số thủ tục dùng để mở kết nối dữ liệu giữa Access và Visual Basic

a. Thủ tục mở kết nối dữ liệu bằng ADODB

Public cn As New ADODB.Connection

Sub MoKetNoi()

Dim Ten_CSDL As String

Dim str As String

Đường dẫn đến tập tin chứa cơ sở dữ liệu

Ten_CSDL = App.Path & "\Ktdn.mdb"

Khai báo nhà cung cấp kết nối và nguồn dữ liệu

str = "Provider=Microsoft.Jet.OLEDB.3.51;Data Source=" & Ten_CSDL & ""

Khai báo chuỗi kết nối của DataEnvironment và DEconnection

DE1.CN1.ConnectionString = "Provider=Microsoft.Jet.OLEDB.3.51;Persist

Security Info=False;Data Source=" & Ten_CSDL & ""

Phương thức mở kết nối

DE1.CN1.Open

cn.Open str

End Sub

b. Thủ tục mở kết nối bằng DAO (Data Access Object)

Private Sub Sub_Name()

Khai báo các biến đối tượng cơ sở dữ liệu

Dim db As DAO.Database

Dim rs As DAO.Recordset

Dim chuoi As String

Biến db truy cập đến tên cơ sở dữ liệu cần mở

Set db = OpenDatabase("c:\QL_ktdn\ktdn.mdb")

Dùng câu lệnh SELECT SQL để truy cập đến bảng

chuoi = "select * from Tbl_DMCT where MA_CT=" & DCDMCT.Text &
""

Set rs = db.OpenRecordset(chuoi)

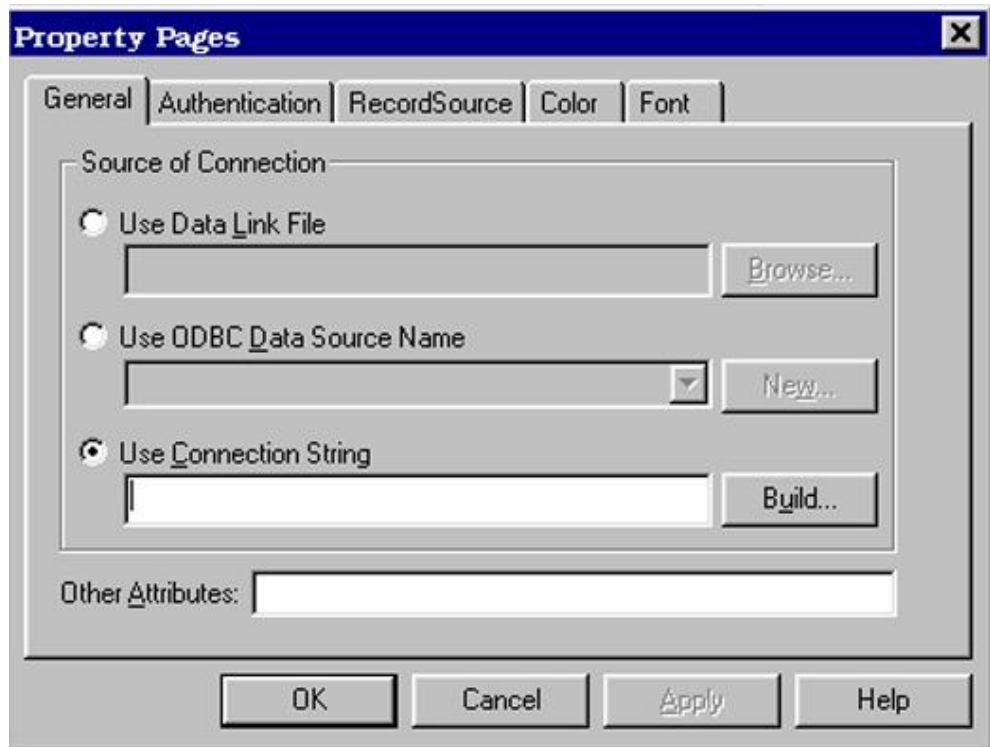
rs.Close

db.Close

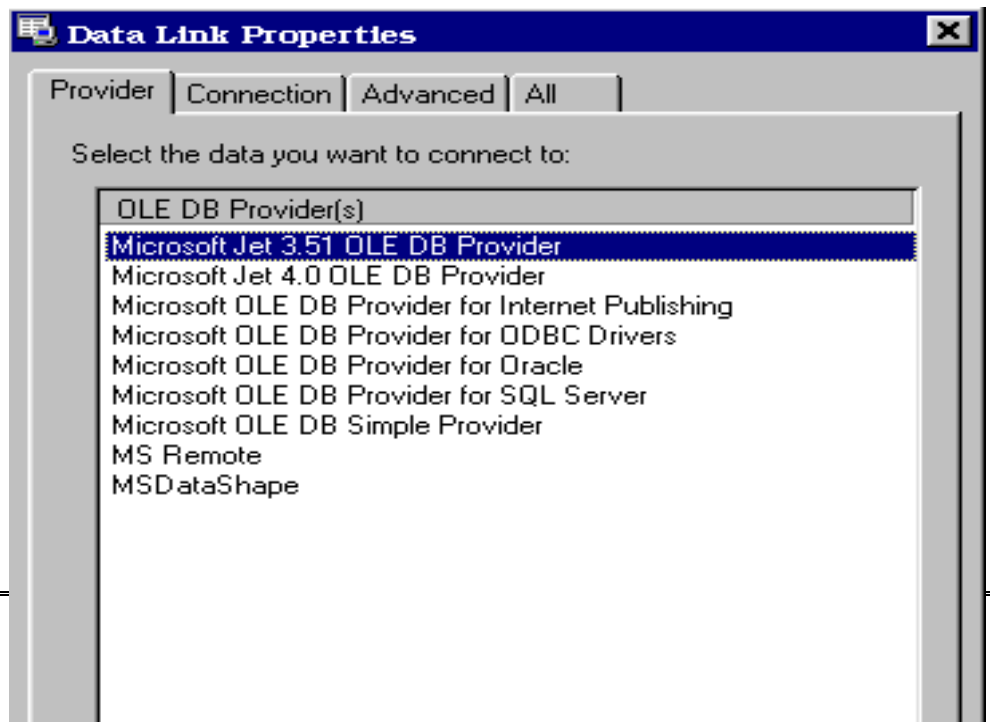
End Sub

c. Các bước kết nối dữ liệu bằng ADO (Activex Data Object)

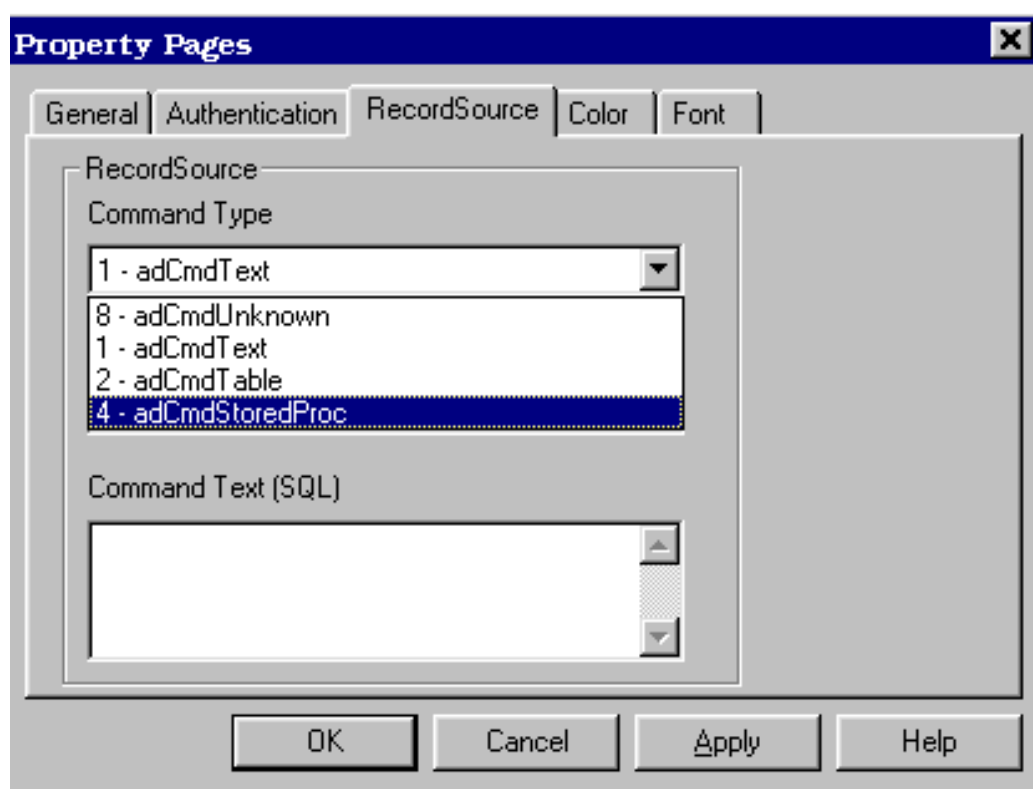




Trang General trong cửa sổ Property Pages của iều khiển ADO DC







Trang RecordSource trong cửa sổ Property Pages của iều khiển ADO DC

4. Giao diện và mã nguồn của một số Form cập nhật và xuất dữ liệu



Giao diện Form cập nhật danh mục chứng từ

Mã nguồn của Form cập nhật danh mục chứng từ

Option Compare Text

Option Explicit

Dim them As Boolean

Private Sub form_load()

Dim n

Dim n1

n = 0

n1 = 0

n = Ado_DMCT.Recordset.RecordCount

If (Ado_DMCT.Recordset.EOF = False) And (Ado_DMCT.Recordset.BOF = False) Then

n1 = Ado_DMCT.Recordset.Bookmark

End If

txtBGHH.Text = n1

txtSBG.Text = n

Khoa

End Sub

Private Sub Khoa()

DataDMCT.AllowDelete = False

DataDMCT.AllowUpdate = False

cmdthem.Enabled = True

cmdsua.Enabled = True

cmdxoat.Enabled = True

cmdghi.Enabled = False

cmdkhong.Enabled = False

cmdthoat.Enabled = True

DataDMCT.Refresh

End Sub

Private Sub Mo_Khoa()

DataDMCT.AllowDelete = True

DataDMCT.AllowUpdate = True

cmdthem.Enabled = False

cmdsua.Enabled = False

cmdxoa.Enabled = False

cmdghi.Enabled = True

cmdkhong.Enabled = True

cmdthoat.Enabled = False

DataDMCT.Refresh

End Sub

Private Sub cmdthem_click()

On Error GoTo Loi_Them

Mo_Khoa

Ado_DMCT.Refresh

Ado_DMCT.Recordset.AddNew

DataDMCT.SetFocus

them = True

Thoat_Them:

Exit Sub

Loi_Them:

MsgBox Err.Description

Resume Thoat_Them

End Sub

Private Sub cmd sua_click()

Dim recnum

On Error GoTo Loi_Sua

recnum = Ado_DMCT.Recordset.Bookmark

Mo_Khoa

them = False

Thoat_Sua:

Exit Sub

Loi_Sua:

MsgBox Err.Description

Resume Thoat_Sua

End Sub

Private Sub cmdxoa_click()

On Error GoTo Loi_Xoa

Dim traloi

traloi = MsgBox("Ban muon xoa chung tu " +
Ado_DMCT.Recordset.Fields("MA_CT") + " ?", 48 + 4, "Thong bao")

If traloi = 6 Then

Ado_DMCT.Recordset.Delete

Ado_DMCT.Recordset.Clone

Ado_DMCT.Recordset.Requery

Ado_DMCT.Recordset.MoveNext

If Ado_DMCT.Recordset.EOF Then

Ado_DMCT.Recordset.MoveLast

End If

End If

Ado_DMCT.Refresh

Thoat_Xoa:

Exit Sub

Loi_Xoa:

MsgBox "Khong the xoa mau tin nay !"

Resume Thoat_Xoa

End Sub

Private Sub cmdghi_click()

On Error GoTo Loi_Ghi

Ado_DMCT.Recordset.UpdateBatch adAffectAll

Khoa

cmdthem.SetFocus

them = False

Thoat_Ghi:

DataDMCT.SetFocus

Exit Sub

Loi_Ghi:

MsgBox "Du lieu khong hop le !"

Resume Thoat_Ghi

End Sub

Private Sub cmdkhong_click()

If them Then

Ado_DMCT.Refresh

Ado_DMCT.Recordset.CancelUpdate

End If

Khoa

cmdthem.SetFocus

them = False

Ado_DMCT.Refresh

End Sub

Private Sub cmdthoat_click()

Ado_DMCT.Refresh

Unload Me

End Sub

Private Sub DataDMCT_click()

Dim n

Dim n1

n = 0

n1 = 0

n = Ado_DMCT.Recordset.RecordCount

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

If (Ado_DMCT.Recordset.EOF = False) And (Ado_DMCT.Recordset.BOF = False) Then

n1 = Ado_DMCT.Recordset.Bookmark

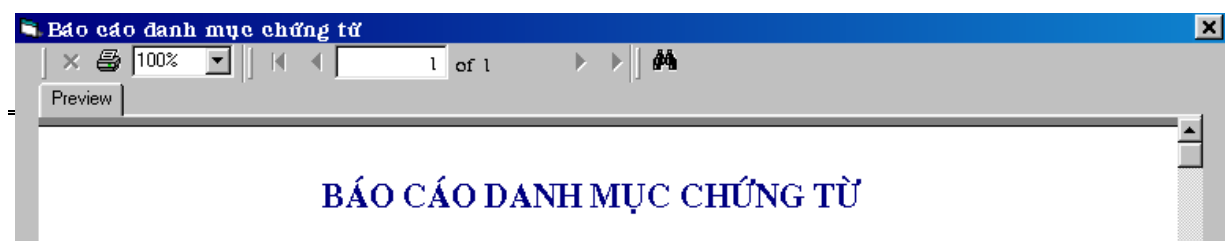
End If

txtBGHH.Text = n1

txtSBG.Text = n

End Sub

Giao diện Form báo cáo danh mục chứng từ



Mã nguồn của Form báo cáo danh mục chứng từ

Dim Report As New CrystalRepDMCT

Private Sub Form_Load()

Screen.MousePointer = vbHourglass

CRViewer1.ReportSource = Report

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

CRViewer1.ViewReport

Screen.MousePointer = vbDefault

End Sub

Giao diện Form cập nhật danh mục tài khoản



MÃ TÀI KHOẢN	DIỄN GIẢI	MÃ QUẢN LÝ	NỢ ĐẦU KỲ	NỢ CUỐI KỲ
▶ 111	Tiền mặt	1	0	0
1111	Tiền Việt Nam	2	0	0
1112	Tiền ngoại tệ	2	0	0
112	Tiền gửi ngân hàng	1	0	0
1121	Tiền gửi Việt Nam	2	0	0
1122	Tiền gửi ngoại tệ	2	0	0
1123	Vàng bạc đá quý	2	0	0
113	Tiền đang chuyển	1	0	0

Bản ghi HH: 1
Tổng số BG: 39

Navigation: < > | << >> |

Actions: Thêm mới, Sửa, Xóa, Lưu, Bỏ qua, Thoát

Mã nguồn của Form cập nhật danh mục tài khoản

Option Compare Text

Option Explicit

Dim them As Boolean

Private Sub form_load()

Dim n

Dim n1

n = 0

n1 = 0

n = Ado_DMTK.Recordset.RecordCount

If (Ado_DMTK.Recordset.EOF = False) And (Ado_DMTK.Recordset.BOF = False) Then

n1 = Ado_DMTK.Recordset.Bookmark

End If

txtBGHH.Text = n1

txtSBG.Text = n

Khoa

End Sub

Private Sub Mo_Khoa()

DataDMTK.AllowDelete = True

DataDMTK.AllowUpdate = True

cmdthem.Enabled = False

cmdsua.Enabled = False

cmdxoa.Enabled = False

cmdghi.Enabled = True

cmdkhong.Enabled = True

cmdthoat.Enabled = False

DataDMTK.Refresh

End Sub

Private Sub Khoa()

DataDMTK.AllowDelete = False

DataDMTK.AllowUpdate = False

cmdthem.Enabled = True

cmdsua.Enabled = True

cmdxoa.Enabled = True

cmdghi.Enabled = False

cmdkhong.Enabled = False

cmdthoat.Enabled = True

DataDMTK.Refresh

End Sub

Private Sub cmdthem_click()

On Error GoTo Loi_Them

Ado_DMTK.Refresh

Ado_DMTK.Recordset.AddNew

Mo_Khoa

DataDMTK.SetFocus

them = True

Thoat_Them:

Exit Sub

Loi_Them:

MsgBox Err.Description

Resume Thoat_Them

End Sub

Private Sub cmd sua_click()

Dim recnum

On Error GoTo Loi_Sua

recnum = Ado_DMTK.Recordset.Bookmark

Mo_Khoa

them = False

Thoat_Sua:

Exit Sub

Loi_Sua:

MsgBox Err.Description

Resume Thoat_Sua

End Sub

Private Sub cmd xoa_click()

On Error GoTo Loi_Xoa

Dim traloi

traloi = MsgBox("Ban muon xoa tai khoan " +
Ado_DMTK.Recordset.Fields("MA_TK") + " ?", 48 + 4, "Thong bao")

If traloi = 6 Then

Ado_DMTK.Recordset.Delete

Ado_DMTK.Recordset.Clone

Ado_DMTK.Recordset.Requery

Ado_DMTK.Recordset.MoveNext

If Ado_DMTK.Recordset.EOF Then

Ado_DMTK.Recordset.MoveLast

End If

End If

Ado_DMTK.Refresh

Thoat_Xoa:

Exit Sub

Loi_Xoa:

MsgBox "Khong the xoa mau tin nay !"

Resume Thoat_Xoa

End Sub

Private Sub cmdghi_click()

On Error GoTo Loi_Ghi

Ado_DMTK.Recordset.UpdateBatch adAffectAll

Khoa

cmdthem.SetFocus

them = False

Thoat_Ghi:

DataDMTK.SetFocus

Exit Sub

Loi_Ghi:

MsgBox "Du lieu khong hop le !"

Resume Thoat_Ghi

End Sub

Private Sub cmdkhong_click()

If them Then

Ado_DMTK.Refresh

Ado_DMTK.Recordset.CancelUpdate

End If

Khoa

cmdthem.SetFocus

them = False

Ado_DMTK.Refresh

End Sub

Private Sub cmdthoat_click()

Ado_DMTK.Refresh

Unload Me

End Sub

Private Sub DataDMTK_click()

Dim n

Dim n1

n = 0

n1 = 0

n = Ado_DMTK.Recordset.RecordCount

If (Ado_DMTK.Recordset.EOF = False) And (Ado_DMTK.Recordset.BOF = False) Then

n1 = Ado_DMTK.Recordset.Bookmark

End If

txtBGHH.Text = n1

txtSBG.Text = n

End Sub

'Thu tục khi muốn quay lại ban ghi trước do

Private Sub cmdtruoc_click()

If Ado_DMTK.Recordset.BOF Then

MsgBox "Ban dang o ban ghi dau tien !", vbOKOnly, "Thong bao"

Else

Ado_DMTK.Recordset.MovePrevious

End If

End Sub

'Thu tục khi muốn đi tới ban ghi kế tiếp

Private Sub cmdsau_click()

If Ado_DMTK.Recordset.EOF Then

MsgBox "Ban dang o ban ghi cuoi cung !", vbOKOnly, "Thong bao"

Else

Ado_DMTK.Recordset.MoveNext

End If

End Sub

'Thu tục khi muốn quay lại ban ghi đầu tiên

Private Sub cmd dau_click()

On Error GoTo Loi_Dau

If Ado_DMTK.Recordset.BOF Then

MsgBox "Ban dang o ban ghi dau tien !", vbOKOnly, "Thong bao"

Else

Ado_DMTK.Recordset.MoveFirst

End If

Thoat_Dau:

Exit Sub

Loi_Dau:

MsgBox Err.Description

Resume Thoat_Dau

End Sub

'Thu tục khi đi đến ban ghi cuối cùng

Private Sub cmdcuoi_click()

On Error GoTo Loi_Cuoi

If Ado_DMTK.Recordset.EOF Then

MsgBox "Ban dang o ban ghi cuối cùng !", vbOKOnly, "Thong bao"

Else

Ado_DMTK.Recordset.MoveLast

End If

Thoat_Cuoi:

Exit Sub

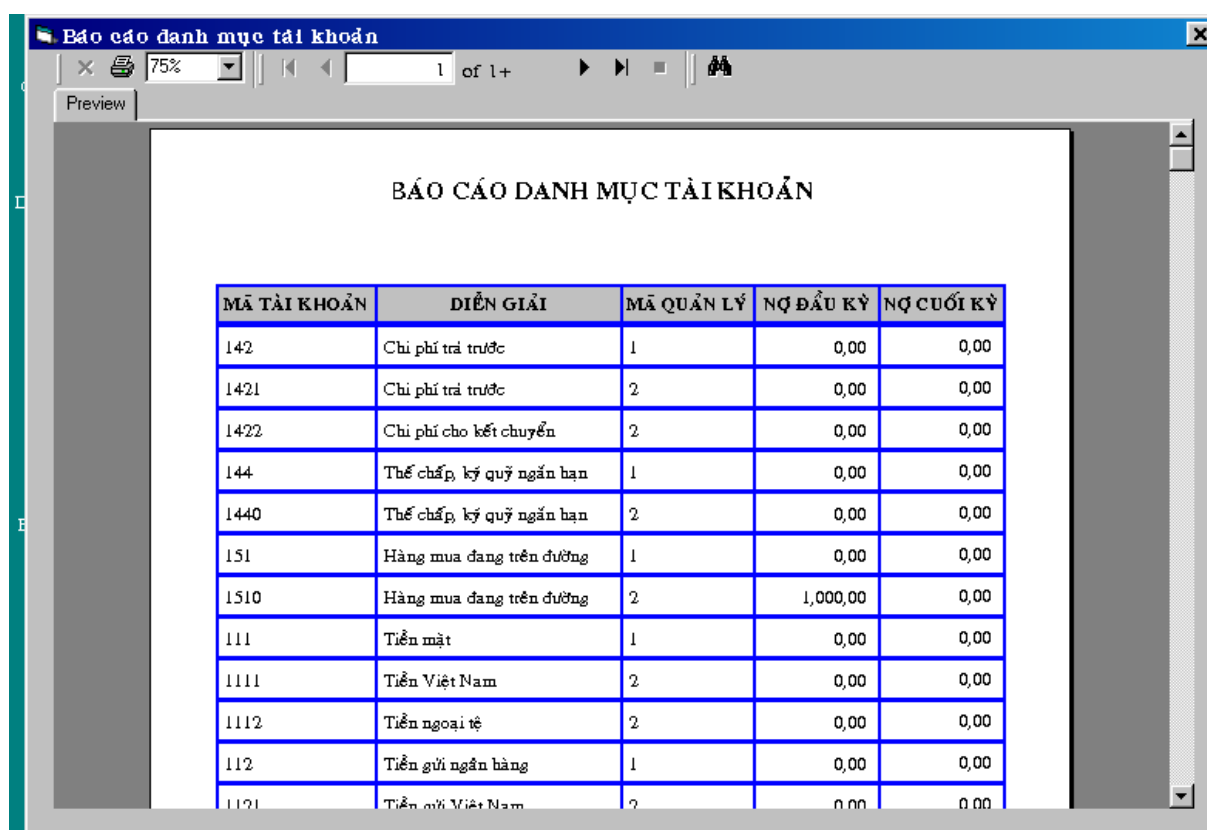
Loi_Cuoi:

MsgBox Err.Description

Resume Thoat_Cuoi

End Sub

Giao diện Form dùng để báo cáo danh mục tài khoản



MÃ TÀI KHOẢN	DIỄN GIẢI	MÃ QUẢN LÝ	NỢ ĐẦU KỲ	NỢ CUỐI KỲ
142	Chi phí trả trước	1	0,00	0,00
1421	Chi phí trả trước	2	0,00	0,00
1422	Chi phí cho kết chuyển	2	0,00	0,00
144	Thuế chấp, ký quỹ ngắn hạn	1	0,00	0,00
1440	Thuế chấp, ký quỹ ngắn hạn	2	0,00	0,00
151	Hàng mua đang trên đường	1	0,00	0,00
1510	Hàng mua đang trên đường	2	1,000,00	0,00
111	Tiền mặt	1	0,00	0,00
1111	Tiền Việt Nam	2	0,00	0,00
1112	Tiền ngoại tệ	2	0,00	0,00
112	Tiền gửi ngân hàng	1	0,00	0,00
1121	Tiền gửi Việt Nam	2	0,00	0,00

Mã nguồn của Form dùng để báo cáo danh mục tài khoản

Dim Report As New CrystalRepDMTK

Private Sub Form_Load()

Screen.MousePointer = vbHourglass

CRViewer1.ReportSource = Report

CRViewer1.ViewReport

Screen.MousePointer = vbDefault

End Sub

Giao diện Form của chứng từ nhập xuất hàng hóa

CHỨNG TỪ NHẬP HÀNG Tháng 8 Năm 2003

Mã CT: 012 | Phiếu chi tiền mặt | Ngày chứng từ: 10/08/2003 | Chứng từ gốc: 85641
Số chứng: 20030801 | Diễn giải: Nhập thị trường tự do
Mã NCC: NCC03 | Trần Anh Kiệt | Tài khoản nợ: 1561 | Giá mua hàng hóa
Mã kho: K04 | Kho số 4 | Tàu khoản có: 1111 | Tiền Việt Nam
Loại tiền: vnd | Tiền việt nam | Mã nhân viên: NVO001 | Nguyễn Văn | Tèo
Thuế: | Tỷ giá: 1 | Mã HTTT: tm | Tiền mặt

Số chứng từ	Số chứng từ gốc	Diễn giải	Ngày lập	Mã nhân viên	Mã nhà cung	Mã kho	Tỷ
20030801	85641	Nhập thị trường	10/08/2003	NVO001	NCC03	K04	1
20030802	99964	Nhập hàng hóa	11/08/2003	NVO001	NCC02	K03	1

Về bản ghi trước đó | Chi tiết | < | > | Thêm mới | Sửa | Xóa
Bản ghi hiện hành: 1 | Xem | Lưu | Bỏ qua | Thoát
Tổng số bản ghi: 2 | In ấn

Mã nguồn của Form cập nhật chứng từ nhập hàng

Option Explicit

Dim them As Boolean

Dim sua As Boolean

Dim chuoil As String

Dim danhdao 'Dung danh dau ban ghi khi can sua doi

Dim gtthang

Dim gtnam

Private Sub form_load()

Dim so As Integer

Dim thang As Byte

Dim nam As Integer

gtthang = Me.VScrollTHANG.Value

gtnam = Me.VScrollNAM.Value

thang = Month(Now())

nam = Year(Now())

Me.txtTHANG.Text = thang

Me.txtNAM.Text = nam

chuoil = "Select * from Tbl_HDNHAP where month(NGAYLAP_CT)='" &
Val(thang) & "'" & " and year(NGAYLAP_CT)='" & Val(nam) & "'"

Ado_HDNHAP.ConnectionString =
"provider=Microsoft.Jet.OLEDB.3.51;Persist security info=false;data
source='c:\QL_ktdn\ktdn.mdb'"

Ado_HDNHAP.RecordSource = chuoil

Ado_HDNHAP.Refresh

Khoa

End Sub

Private Sub Khoa()

txtSCT.Locked = True

txtSCTG.Locked = True

txtDIENGLAI.Locked = True

txtNGAYCT.Locked = True

DCDMNV.Locked = True

txtHONV.Locked = True

txtTENNV.Locked = True

DCDMNCC.Locked = True

txtTENNCC.Locked = True

DCDMKHO.Locked = True

txtTENKHO.Locked = True

txtTYGIA.Locked = True

DCDMCT.Locked = True

txtTENCT.Locked = True

DCDMTK.Locked = True

txtDGTKN.Locked = True

DCDMTKDU.Locked = True

txtDGTKC.Locked = True

DCDMNT.Locked = True

txtTENNT.Locked = True

DCDMHTTT.Locked = True

txtTENHTTT.Locked = True

DataHDNHAP.AllowUpdate = False

DataHDNHAP.AllowDelete = False

DataHDNHAP.AllowAddNew = False

cmdthem.Enabled = True

cmdsua.Enabled = True

cmdxoa.Enabled = True

cmdghi.Enabled = False

cmdkhong.Enabled = False

cmdthoat.Enabled = True

cmdtruoc.Enabled = True

cmdsau.Enabled = True

cmddau.Enabled = True

cmdcuoi.Enabled = True

cmdchitiet.Enabled = True

End Sub

Private Sub Mo_Khoa()

DCDMCT.SetFocus

txtSCT.Locked = False

txtSCTG.Locked = False

txtDIENGLAI.Locked = False

txtNGAYCT.Locked = False

DCDMNV.Locked = False

txtHONV.Locked = False

txtTENNV.Locked = False

DCDMNCC.Locked = False

txtTENNCC.Locked = False

DCDMKHO.Locked = False

txtTENKHO.Locked = False

txtTYGIA.Locked = False

DCDMCT.Locked = False

txtTENCT.Locked = False

DCDMTK.Locked = False

txtDGTKN.Locked = False

DCDMTKDU.Locked = False

txtDGTKC.Locked = False

DCDMNT.Locked = False

txtTENNT.Locked = False

DCDMHTTT.Locked = False

txtTENHTTT.Locked = False

DataHDNHAP.AllowUpdate = True

DataHDNHAP.AllowDelete = True

DataHDNHAP.AllowAddNew = True

cmdthem.Enabled = False

cmdsua.Enabled = False

cmdxoa.Enabled = False

cmdghi.Enabled = True

cmdkhong.Enabled = True

cmdthoat.Enabled = True

cmdtruoc.Enabled = False

cmdsau.Enabled = False

cmddau.Enabled = False

cmdcuoi.Enabled = False

cmdchitiet.Enabled = False

End Sub

'-----

'Doan cac su kien danh cho cmddau, cmdcuoi, cmdtruoc, cmdsau

'Chuyen den ban ghi cuoi cung

Private Sub cmdcuoi_click()

On Error GoTo Loi_Cuoi

'Neu khong co loi thi

If Ado_HDNHAP.Recordset.EOF() = True Then

MsgBox "Đang ở bản ghi cuối cùng !", vbOKOnly, "Thông báo"

Else

Ado_HDNHAP.Recordset.MoveLast

End If

Thoat_Cuoi:

Exit Sub

Loi_Cuoi:

MsgBox Err.Description

Resume Thoat_Cuoi

End Sub

Private Sub cmdcuoi_mousemove(button As Integer, shift As Integer, x As Single, y As Single)

txtTT.Text = "Nhảy đến bản ghi cuối cùng"

End Sub

'Chuyen ve ban ghi dau tien

Private Sub cmddau_click()

On Error GoTo Loi_Dau

'Neu khong loi thi

If Ado_HDNHAP.Recordset.BOF() = True Then

MsgBox "Đang ở bản ghi đầu tiên !", vbOKOnly, "Thông báo"

Else

Ado_HDNHAP.Recordset.MoveFirst

End If

Thoat_Dau:

Exit Sub

Loi_Dau:

MsgBox Err.Description

Resume Thoat_Dau

End Sub

Private Sub cmd dau_mousemove(button As Integer, shift As Integer, x As Single, y As Single)

txtTT.Text = "Về bản ghi đầu tiên"

End Sub

'Chuyen ve ban ghi ke tiep

Private Sub cmd sau_click()

If Ado_HDNHAP.Recordset.EOF Then

MsgBox "Đang ở bản ghi cuối cùng !", vbOKOnly, "Thông báo"

Else

Ado_HDNHAP.Recordset.MoveNext

End If

End Sub

Private Sub cmdsau_mousemove(button As Integer, shift As Integer, x As Single, y As Single)

txtTT.Text = "Đến bản ghi tiếp theo"

End Sub

'Chuyen ve ban ghi truoc do

Private Sub cmdtruoc_click()

If Ado_HDNHAP.Recordset.BOF Then

MsgBox "Đang ở bản ghi đầu tiên !", vbOKOnly, "Thông báo"

Else

Ado_HDNHAP.Recordset.MovePrevious

End If

End Sub

Private Sub cmdtruoc_mousemove(button As Integer, shift As Integer, x As Single, y As Single)

txtTT.Text = "Về bản ghi trước đó"

End Sub

'-----

' Doan danh cho cac su kien cmdthem, cmd sua, cmd xoa, cmd ghi, cmd khong,
' cmd thoat

Private Sub cmdthem_click()

On Error GoTo Loi_Them

Ado_HDNHAP.Recordset.AddNew

Mo_Khoa

them = True

sua = False

Thoat_Them:

Exit Sub

Loi_Them:

MsgBox Err.Description

Resume Thoat_Them

End Sub

Private Sub cmdthem_mousemove(button As Integer, shift As Integer, x As Single, y As Single)

txtTT.Text = "Thêm bản ghi mới"

End Sub

Private Sub cmdsua_click()

On Error GoTo Loi_Sua

danh dau = Ado_HDNHAP.Recordset.Bookmark

Mo_Khoa

them = False

sua = True

Thoat_Sua:

Exit Sub

Loi_Sua:

MsgBox Err.Description

Resume Thoat_Sua

End Sub

Private Sub cmd sua_mousemove(button As Integer, shift As Integer, x As Single, y As Single)

txtTT.Text = "Cập nhật lại bản ghi"

End Sub

Private Sub cmd xoa_click()

On Error GoTo Loi_Xoa

Dim traloi

traloi = MsgBox("Xóa bản ghi " + Ado_HDNHAP.Recordset.Fields("SO_CT") + "?", 48 + 4, "Thông báo")

If traloi = 6 Then

Ado_HDNHAP.Recordset.Delete

Ado_HDNHAP.Recordset.Clone

Ado_HDNHAP.Recordset.Requery

Ado_HDNHAP.Recordset.MoveNext

If Ado_HDNHAP.Recordset.EOF Then

 Ado_HDNHAP.Recordset.MoveLast

End If

End If

Ado_HDNHAP.Refresh

Thoat_Xoa:

Exit Sub

Loi_Xoa:

MsgBox "Không thể xóa bản ghi này !", vbOKOnly, "Thông báo"

Resume Thoat_Xoa

End Sub

Private Sub cmdxoa_mousemove(button As Integer, shift As Integer, x As Single, y As Single)

txtTT.Text = "Xóa bản ghi"

End Sub

Private Sub cmdghi_click()

On Error GoTo Loi_Ghi

Ado_HDNHAP.Recordset.UpdateBatch adAffectAll

Khoa

them = False

sua = False

Thoat_Ghi:

DCDMCT.SetFocus

Exit Sub

Loi_Ghi:

MsgBox "Dữ liệu không hợp lệ", vbOKOnly, "Thông báo"

Resume Thoat_Ghi

End Sub

Private Sub cmdghi_mousemove(button As Integer, shift As Integer, x As Single, y As Single)

txtTT.Text = "Lưu bản ghi"

End Sub

Private Sub cmdkhong_click()

Ado_HDNHAP.Refresh

Ado_HDNHAP.Recordset.CancelUpdate

Khoa

cmdthem.SetFocus

them = False

sua = False

End Sub

Private Sub cmdkhong_mousemove(button As Integer, shift As Integer, x As Single, y As Single)

If them = True Then

txtTT.Text = "Bỏ qua không thêm bản ghi"

Else

txtTT.Text = "Không cập nhật lại bản ghi"

End If

End Sub

Private Sub cmdthoat_click()

Unload Me

End Sub

'Khi thay doi gia tri txtTHANG xu ly

Private Sub txtTHANG_change()

Dim thang

Dim nam

'Lay thang va nam cap nhat chung tu

thang = txtTHANG.Text

nam = txtNAM.Text

chuoil = "Select * from Tbl_HDNHAP where month(NGAYLAP_CT)='" &
Val(thang) & "'" & " and year(NGAYLAP_CT)='" & Val(nam) & "'"

Ado_HDNHAP.ConnectionString =
"provider=Microsoft.Jet.OLEDB.3.51;Persist security info=false;data
source='c:\QL_ktdn\ktdn.mdb'"

Ado_HDNHAP.RecordSource = chuoil

Ado_HDNHAP.Refresh

'Dem so ban ghi va cho biet ban ghi hien tai

Dim bght

Dim sobg

sobg = 0

bght = 0

sobg = Ado_HDNHAP.Recordset.RecordCount


```
If (Ado_HDNHAP.Recordset.EOF = False) And  
(Ado_HDNHAP.Recordset.BOF = False) Then
```

```
    bght = Ado_HDNHAP.Recordset.Bookmark
```

```
End If
```

```
txtBGHH.Text = bght
```

```
txtSBG.Text = sobg
```

```
End Sub
```

```
Private Sub VScrollTHANG_change()
```

```
    Dim thang As Byte
```

```
    Dim so
```

```
    thang = Val(txtTHANG)
```

```
    so = VScrollTHANG.Value
```

```
    If so > gtthang Then
```

```
        txtTHANG = str(thang + 1)
```

```
        gtthang = so
```

Else

txtTHANG = str(thang - 1)

gtthang = so

End If

End Sub

Private Sub txtNAM_change()

Dim thang

Dim nam

'Lay thang va nam cap nhat chung tu

thang = txtTHANG.Text

nam = txtNAM.Text

chuoil = "Select * from Tbl_HDNHAP where month(NGAYLAP_CT)='" &
Val(thang) & "'" & " and year(NGAYLAP_CT)='" & Val(nam) & "'"

Ado_HDNHAP.ConnectionString =
"provider=Microsoft.Jet.OLEDB.3.51;Persist security info=false;data
source='c:\QL_ktdn\ktdn.mdb'"

Ado_HDNHAP.RecordSource = chuoi1

Ado_HDNHAP.Refresh

'Dem so ban ghi va cho biet ban ghi hien tai

Dim bght

Dim sobg

sobg = 0

bght = 0

sobg = Ado_HDNHAP.Recordset.RecordCount

If (Ado_HDNHAP.Recordset.EOF = False) And
(Ado_HDNHAP.Recordset.BOF = False) Then

bght = Ado_HDNHAP.Recordset.Bookmark

End If

txtBGHH.Text = bght

txtSBG.Text = sobg

End Sub

Private Sub VScrollNAM_change()

Dim nam, so

nam = Val(txtNAM)

so = VScrollNAM.Value

If so > gtnam Then

txtNAM = str(nam + 1)

gtnam = so

Else

txtNAM = str(nam - 1)

gtnam = so

End If

End Sub

'Cac su kien khi chon ma chung tu

Private Sub DCDMCT_gotfocus()

Me.DCDMCT.BackColor = &HC0E0FF

End Sub

Private Sub DCDMCT_change()

Dim db As DAO.Database

Dim rs As DAO.Recordset

Dim chuoi As String

If DCDMCT.Text <> "" Then

Set db = OpenDatabase("c:\QL_ktdn\ktdn.mdb")

chuoi = "select * from Tbl_DMCT where MA_CT='" & DCDMCT.Text & """

Set rs = db.OpenRecordset(chuoi)

If rs.RecordCount > 0 Then

txtTENCT.Text = rs.Fields("TEN_CT")

End If

rs.Close

db.Close

End If

End Sub

Private Sub DCDMCT_keypress(keyascii As Integer)

Dim str As String

Dim rs As New ADODB.Recordset

Select Case keyascii

Case 13:

str = "select MA_CT from Tbl_DMCT where MA_CT= '" & DCDMCT
& "'"

rs.Open str, cn

If rs.EOF = False Then

DCDMCT = rs!MA_CT

txtNGAYCT.SetFocus

Else

Frm_CHONDMCTofHDNHAP.Show 1

End If

End Select

End Sub

Private Sub DCDMCT_lostfocus()

Me.DCDMCT.BackColor = &HFFFFFF

End Sub

'Khi ngay chung tu nhan focus

Private Sub txtNGAYCT_gotfocus()

txtNGAYCT.BackColor = &HC0E0FF

End Sub

Private Sub txtNGAYCT_keypress(keyascii As Integer)

Select Case keyascii

Case 13

txtSCTG.SetFocus

End Select

End Sub

Private Sub txtNGAYCT_lostfocus()

txtNGAYCT.BackColor = &HFFFFFF

End Sub

'Khi so chung tu goc nhan focus

Private Sub txtSCTG_gotfocus()

txtSCTG.BackColor = &HC0E0FF

End Sub

Private Sub txtSCTG_keypress(keyascii As Integer)

Select Case keyascii

Case 13

txtSCT.SetFocus

End Select

End Sub

Private Sub txtSCTG_lostfocus()

txtSCTG.BackColor = &HFFFFFF

End Sub

Private Sub txtSCT_gotfocus()

Dim db As DAO.Database

Dim rs As DAO.Recordset

Dim rd As DAO.QueryDef

Dim max

Dim thang, nam

Dim so, so1

Dim chuoil As String

Dim chuoil2 As String

txtSCT.BackColor = &HC0E0FF

thang = txtTHANG.Text

nam = txtNAM.Text

chuoil = Trim(nam) & Right("0" & Trim(thang), 2)

chuoil2 = "Select * from Tbl_HDNHAP where month(NGAYLAP_CT)='" &
Val(thang) & "'" & "and year(NGAYLAP_CT)='" & Val(nam) & "'"

Set db = OpenDatabase("c:\QL_ktdn\ktdn.mdb")

Set rs = db.OpenRecordset(chuoil2)

max = 0

If rs.RecordCount > 0 Then

rs.MoveFirst

Do Until rs.EOF

'Tang gia tri so chung tu len 1 phu thuc vao thang va nam xu ly

If (Trim(Month(rs!NGAYLAP_CT)) = txtTHANG) And
(Trim(Year(rs!NGAYLAP_CT)) = txtNAM) Then

so = Mid(Trim(rs!SO_CT), 7) 'Lay SO_CT tu vi tri thu 7

If (Len(so) <> 0) Then

so1 = Val(so)

If (max < so1) Then

max = so1

End If

End If

End If

rs.MoveNext

Loop

End If

'Tru truong hop SO_CT<>0 thi record hien hanh la record cu

If Me.txtSCT.Text = "" Then

Me.txtSCT.Text = Trim(chuoi1) & Right("0" & Trim(CStr(max + 1)), 2)

End If

End Sub

'Su kien khi thay doi so chung tu

Private Sub txtSCT_change()

Dim n

Dim n1

n = 0

n1 = 0

n = Ado_HDNHAP.Recordset.RecordCount

If (Ado_HDNHAP.Recordset.EOF = False) And
(Ado_HDNHAP.Recordset.BOF = False) Then

n1 = Ado_HDNHAP.Recordset.Bookmark

End If

txtBGHH.Text = n1

txtSBG.Text = n

End Sub

'Su kien khi So chung tu nhan enter

Private Sub txtSCT_keypress(keyascii As Integer)

Select Case keyascii

Case 13

txtDIENGLAI.SetFocus

End Select

End Sub

Private Sub txtSCT_lostfocus()

txtSCT.BackColor = &HFFFFFFF

End Sub

Private Sub txtDIENGLAI_gotfocus()

txtDIENGLAI.BackColor = &HC0E0FF

End Sub

Private Sub txtDIENGLAI_keypress(keyascii As Integer)

Select Case keyascii

Case 13

DCDMNCC.SetFocus

End Select

End Sub

Private Sub txtDIENGLAI_lostfocus()

txtDIENGLAI.BackColor = &HFFFFFF

End Sub

Private Sub DCDMNCC_gotfocus()

DCDMNCC.BackColor = &HC0E0FF

End Sub

Private Sub DCDMNCC_change()

Dim db As DAO.Database

Dim rs As DAO.Recordset

Dim chuoI As String

If DCDMNCC.Text <> "" Then

Set db = OpenDatabase("c:\QL_ktdn\ktdn.mdb")

chuoI = "select * from Tbl_DMNCC where MA_NCC=" & DCDMNCC.Text
& ""

Set rs = db.OpenRecordset(chuoI)

If rs.RecordCount > 0 Then

txtTENNCC.Text = rs.Fields("TEN_NCC")

End If

rs.Close

db.Close

End If

End Sub

Private Sub DCDMNCC_keypress(keyascii As Integer)

Dim str As String

Dim rs As New ADODB.Recordset

Select Case keyascii

Case 13:

str = "select MA_NCC from Tbl_DMNCC where MA_NCC= " &
DCDMNCC & ""

rs.Open str, cn

If rs.EOF = False Then

DCDMNCC = rs!MA_NCC

DCDMKHO.SetFocus

Else

Frm_CHONDMNCCofHDNHAP.Show 1

End If

End Select

End Sub

Private Sub DCDMNCC_lostfocus()

Me.DCDMNCC.BackColor = &HFFFFFF

End Sub

Private Sub DCDMKHO_gotfocus()

Me.DCDMKHO.BackColor = &HC0E0FF

End Sub

Private Sub DCDMKHO_change()

Dim db As DAO.Database

Dim rs As DAO.Recordset

Dim chuoì As String

If DCDMKHO.Text <> "" Then

Set db = OpenDatabase("c:\QL_ktdn\ktdn.mdb")

chuoì = "select * from Tbl_DMKHO where MA_KHO="" & DCDMKHO.Text
& """

Set rs = db.OpenRecordset(chuoì)

If rs.RecordCount > 0 Then

txtTENKHO.Text = rs.Fields("TEN_KHO")

End If

rs.Close

db.Close

End If

End Sub

Private Sub DCDMKHO_keypress(keyascii As Integer)

Dim str As String

Dim rs As New ADODB.Recordset

Select Case keyascii

Case 13:

str = "select MA_KHO from Tbl_DMKHO where MA_KHO= " &
DCDMKHO & ""

rs.Open str, cn

If rs.EOF = False Then

DCDMKHO = rs!MA_KHO

DCDMTK.SetFocus

Else

Frm_CHONDMKHOofHDNHAP.Show 1

End If

End Select

End Sub

Private Sub DCDMKHO_lostfocus()

Me.DCDMKHO.BackColor = &HFFFFFF

End Sub

Private Sub DCDMTK_gotfocus()

Me.DCDMTK.BackColor = &HC0E0FF

End Sub

Private Sub DCDMTK_change()

Dim db As DAO.Database

Dim rs As DAO.Recordset

Dim chuoi As String

If DCDMTK.Text <> "" Then

Set db = OpenDatabase("c:\QL_ktdn\ktdn.mdb")

chuoi = "select * from Tbl_DMTK where MA_TK=" & DCDMTK.Text & ""

Set rs = db.OpenRecordset(chuoi)

If rs.RecordCount > 0 Then

```
txtDGTKN.Text = rs.Fields("DIENGLAI")
```

```
End If
```

```
rs.Close
```

```
db.Close
```

```
End If
```

End Sub

Private Sub DCDMTK_keypress(keyascii As Integer)

```
Dim str As String
```

```
Dim rs As New ADODB.Recordset
```

```
Select Case keyascii
```

```
Case 13:
```

```
str = "select MA_TK from Tbl_DMTK where MA_TK= " & DCDMTK  
& ""
```

```
rs.Open str, cn
```

```
If rs.EOF = False Then
```

DCDMTK = rs!MA_TK

DCDMTKDU.SetFocus

Else

Frm_CHONDMTKofHDNHAP.Show 1

End If

End Select

End Sub

Private Sub DCDMTK_lostfocus()

Me.DCDMTK.BackColor = &HFFFFFF

End Sub

Private Sub DCDMTKDU_gotfocus()

Me.DCDMTKDU.BackColor = &HC0E0FF

End Sub

Private Sub DCDMTKDU_change()

Dim db As DAO.Database

Dim rs As DAO.Recordset

Dim chuoi As String

If DCDMTKDU.Text <> "" Then

 Set db = OpenDatabase("c:\QL_ktdn\ktdn.mdb")

 chuoi = "select * from Tbl_DMTK where MA_TK=" & DCDMTKDU.Text &
 ""

 Set rs = db.OpenRecordset(chuoi)

 If rs.RecordCount > 0 Then

 txtDGTKC.Text = rs.Fields("DIENGLAI")

 End If

 rs.Close

 db.Close

End If

End Sub

Private Sub DCDMTKDU_keypress(keyascii As Integer)

Dim str As String

Dim rs As New ADODB.Recordset

Select Case keyascii

Case 13:

str = "select MA_TK from Tbl_DMTK where MA_TK= ' " &
DCDMTKDU & "'"

rs.Open str, cn

If rs.EOF = False Then

DCDMTKDU = rs!MA_TK

DCDMNT.SetFocus

Else

Frm_CHONDMTKDUofHDNHAP.Show 1

End If

End Select

End Sub

Private Sub DCDMTKDU_lostfocus()

Me.DCDMTKDU.BackColor = &HFFFFFF

End Sub

Private Sub DCDMNT_gotfocus()

Me.DCDMNT.BackColor = &HC0E0FF

End Sub

Private Sub DCDMNT_change()

Dim db As DAO.Database

Dim rs As DAO.Recordset

Dim chuoil As String

If DCDMNT.Text <> "" Then

Set db = OpenDatabase("c:\QL_ktdn\ktdn.mdb")

```
chuoiv = "select * from Tbl_DMNT where MA_NT=" & DCDMNT.Text & ""
```

```
Set rs = db.OpenRecordset(chuoiv)
```

```
If rs.RecordCount > 0 Then
```

```
    txtTENNT.Text = rs.Fields("DIENGLAI")
```

```
End If
```

```
rs.Close
```

```
db.Close
```

```
End If
```

End Sub

Private Sub DCDMNT_keypress(keyascii As Integer)

```
Dim str As String
```

```
Dim rs As New ADODB.Recordset
```

```
Select Case keyascii
```

```
    Case 13:
```

```
str = "select MA_NT from Tbl_DMNT where MA_NT= " & DCDMNT  
& ""
```

```
rs.Open str, cn
```

```
If rs.EOF = False Then
```

```
DCDMNT = rs!MA_NT
```

```
DCDMNV.SetFocus
```

```
Else
```

```
Frm_CHONDMNTofHDNHAP.Show 1
```

```
End If
```

```
End Select
```

```
End Sub
```

```
Private Sub DCDMNT_lostfocus()
```

```
Me.DCDMNT.BackColor = &HFFFFFF
```

```
Dim db As DAO.Database
```

```
Dim rs As DAO.Recordset
```

Dim chuoì As String

If DCDMNT.Text <> "" Then

Set db = OpenDatabase("c:\QL_ktdn\ktdn.mdb")

chuoì = "select * from Tbl_DMNT where MA_NT="" & DCDMNT.Text & """

Set rs = db.OpenRecordset(chuoì)

If rs.RecordCount > 0 Then

Me.txtTYGIA = rs.Fields("TYGIA")

End If

rs.Close

db.Close

End If

End Sub

Private Sub DCDMNV_gotfocus()

Me.DCDMNV.BackColor = &HC0E0FF

End Sub

Private Sub DCDMNV_change()

Dim db As DAO.Database

Dim rs As DAO.Recordset

Dim chuoi As String

If DCDMNV.Text <> "" Then

Set db = OpenDatabase("c:\QL_ktdn\ktdn.mdb")

chuoi = "select * from Tbl_DMNV where MA_NV=" & DCDMNV.Text &
""

Set rs = db.OpenRecordset(chuoi)

If rs.RecordCount > 0 Then

txtHONV.Text = rs.Fields("HO_NV")

txtTENNV.Text = rs.Fields("TEN_NV")

End If

rs.Close

db.Close

End If

End Sub

Private Sub DCDMNV_keypress(keyascii As Integer)

Dim str As String

Dim rs As New ADODB.Recordset

Select Case keyascii

Case 13:

str = "select MA_NV from Tbl_DMNV where MA_NV= '" & DCDMNV
& """

rs.Open str, cn

If rs.EOF = False Then

DCDMNV = rs!MA_NV

txtTYGIA.SetFocus

Else

Frm_CHONDMNVofHDNHAP.Show 1

End If

End Select

End Sub

Private Sub DCDMNV_lostfocus()

Me.DCDMNV.BackColor = &HFFFFFF

End Sub

Private Sub txtTYGIA_gotfocus()

txtTYGIA.BackColor = &HC0E0FF

End Sub

Private Sub txtTYGIA_keypress(keyascii As Integer)

Select Case keyascii

Case 13

chkTHUE.SetFocus

End Select

End Sub

Private Sub txtTYGIA_lostfocus()

txtTYGIA.BackColor = &HFFFFFF

End Sub

Private Sub chkTHUE_gotfocus()

chkTHUE.BackColor = &HC0E0FF

End Sub

Private Sub chkTHUE_keypress(keyascii As Integer)

Select Case keyascii

Case 13

DCDMHTTT.SetFocus

End Select

End Sub

Private Sub chkTHUE_lostfocus()

chkTHUE.BackColor = &H8000000F

End Sub

Private Sub DCDMHTTT_gotfocus()

Me.DCDMHTTT.BackColor = &HC0E0FF

End Sub

Private Sub DCDMHTTT_change()

Dim db As DAO.Database

Dim rs As DAO.Recordset

Dim chuoi As String

If DCDMHTTT.Text <> "" Then

Set db = OpenDatabase("c:\QL_ktdn\ktdn.mdb")

chuoi = "select * from Tbl_DMHTTT where MA_HTTT="" &
DCDMHTTT.Text & """

Set rs = db.OpenRecordset(chuoi)

If rs.RecordCount > 0 Then

 txtTENHTTT.Text = rs.Fields("TEN_HTTT")

End If

rs.Close

db.Close

End If

End Sub

Private Sub DCDMHTTT_keypress(keyascii As Integer)

 Dim str As String

 Dim rs As New ADODB.Recordset

 Select Case keyascii

 Case 13:

 str = "select MA_HTTT from Tbl_DMHTTT where MA_HTTT= '" &
 DCDMHTTT & "'"

rs.Open str, cn

If rs.EOF = False Then

DCDMHTTT = rs!MA_HTTT

'Goi Form Frm_HDNHAPCT

cmdchitiet.SetFocus

Else

Frm_CHONDMHTTTofHDNHAP.Show 1

If (cmdchitiet.Enabled = True) Then

Me.cmdchitiet.SetFocus

Else

Me.cmdghi.SetFocus

End If

End If

End Select

End Sub

Private Sub DCDMHTTT_lostfocus()

Me.DCDMHTTT.BackColor = &HFFFFFF

End Sub

'Goi Form cap nhat chung tu nhap chi tiet

Private Sub cmdchitiet_click()

Frm_HDNHAPCT.Show 1

End Sub

PHẦN VI

ĐÓNG GÓI - ĐÁNH GIÁ

VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐỀ TÀI

Để chương trình mang một phần tính chuyên nghiệp, cần đóng gói chương trình thành bộ Setup (*Package & Deloyment Wizard*) và có thể cung cấp cho người sử dụng bộ Setup này như có thể sao chép, cài đặt và có thể sử dụng trên bất kỳ máy tính nào.

ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Một chương trình hoàn hảo để đảm bảo cho công việc kế toán thực thụ thì đòi hỏi tính chuyên nghiệp rất cao, nên trên cơ sở nghiên cứu và phát triển, đề tài chỉ đáp ứng được phần nào cho người sử dụng hiểu khái quát về kế toán, cũng như cách nghiên cứu về cơ sở dữ liệu cho kế toán doanh nghiệp. Ngoài ra, nắm bắt cách sử dụng ngôn ngữ lập trình để tạo và phát triển các chương trình ứng dụng. Đồng thời góp phần làm hoàn hảo một chương trình kế toán có thể đáp ứng rộng rãi cho nhiều doanh nghiệp sử dụng.

Đề tài cần được bổ sung những thiếu sót, hạn chế như chưa tính toán được tồn quỹ tiền mặt, tồn kho hàng hóa và giá vốn hàng bán.... Và phát triển theo hướng mở rộng như tìm kiếm các loại hàng tồn kho, khách hàng có công nợ, tình hình thu chi tồn quỹ tiền mặt, tiền lương để trả cho công nhân viên chức của doanh nghiệp trong tháng, quý hay trong từng thời kỳ sản xuất kinh doanh.

Cuối cùng tôi xin chân thành cảm ơn đến thầy Đỗ Văn Uy đã tạo điều kiện, giúp đỡ tôi trong quá trình nghiên cứu và phát triển đề tài. Mặc dù không được trực tiếp, hạn chế về khoảng cách và thời gian nhưng thầy đã đóng góp những ý kiến quý báu cho tôi hoàn thành đề tài.

Xin chân thành cảm ơn !

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lý Thuyết Kế Toán

Thái Ninh

2. Kế Toán Doanh Nghiệp I – II

Khoa Kinh Tế Trường Đại Học Thủy Sản

3. Kế Toán Doanh Nghiệp Với Visual Basic

KS. Đinh Xuân Lâm

4. Học Visual Basic Qua Thực Hiện Chương Trình

Viện kinh tế Tp. HCM

Trung tâm ứng dụng kinh tế thành phố

5. Microsoft Visual Basic & Lập Trình Cơ Sở Dữ Liệu 6.0

Nguyễn Thị Ngọc Mai

Nguyễn Thị Kim Trang

Hoàng Đức Hải

GSTS. Nguyễn Hữu Anh

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU

PHẦN I

TIN HỌC HÓA QUẢN LÝ THÔNG TIN

TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

- 1. Kế toán**
- 2. Vai trò của kế toán**
- 3. Vai trò tin học trong quản lý**

4. Nhiệm vụ của đề tài

PHẦN II

PHÂN TÍCH VÀ THIẾT KẾ HỆ THỐNG CHO CHƯƠNG TRÌNH

QUẢN LÝ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

- 1. Các bước thực hiện cơ bản của kế toán doanh nghiệp**
- 2. Mô tả yêu cầu quản lý của chương trình**
- 3. Quá trình phân tích chương trình**
- 4. Dữ liệu đầu vào và đầu ra của chương trình**
- 5. Cấu trúc chương trình**
- 6. Sơ đồ chức năng**
- 7. Sơ đồ luồng dữ liệu**
- 8. Sơ đồ quan hệ giữa các thực thể**

PHẦN III

CƠ SỞ DỮ LIỆU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

- 1. Cơ sở dữ liệu**
- 2. Sử dụng Microsoft Access để tạo cơ sở dữ liệu**

PHẦN IV

SỬ DỤNG NGÔN NGỮ LẬP TRÌNH VISUAL BASIC

ĐỀ THIẾT KẾ CHƯƠNG TRÌNH

- 1. Ngôn ngữ lập trình visual basic**
- 2. Các đối tượng truy cập dữ liệu**
- 3. Sử dụng các đối tượng truy cập dữ liệu trong chương trình**
- 4. Các giao diện người sử dụng**
- 5. Sử dụng các câu truy vấn (SQL)**
- 6. Thiết lập báo cáo và xuất thông tin**
- 7. Tạo bộ giúp đỡ**
- 8. Đóng gói chương trình**

PHẦN V

CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

GIAO DIỆN VÀ MÃ NGUỒN CỦA MỘT SỐ FORM

CẬP NHẬT – BÁO CÁO

- 1. Hệ thống Folder để lưu trữ chương trình**
- 2. Giao diện chính của chương trình**
- 3. Một số thủ tục dùng để mở kết nối dữ liệu giữa Access với Visual Basic**
- 4. Giao diện và mã nguồn của một số Form cập nhật và xuất thông tin**

PHẦN VI

ĐÓNG GÓI – ĐÁNH GIÁ

VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐỀ TÀI

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

TÀI LIỆU THAM KHẢO

